LIÊN HOA

NGUYỆT-SAN

O-HỘI TĂNG-GIÀ TRUNG-PHẦN XUẤT-BẢ

G MƯỜI HAI MẬU-TUẤT NĂM THỨ TƯ SỐ 12

LIÊN-HOA

NGUYỆT-SAN

MỤC LỤC SỐ 12

RẰM THÁNG 12 MẬU-TUẤT

NHÌN LUI TRƯỚC KHI BƯỚC TỚI	*L. H. N. S.*
PHẬT-GIÁO VỚI VẤN-ĐỀ TU DƯỠNG	*THÍCH-MINH-CHÂU*
CẢM NIỆM (Thơ)	*NGUYỄN-THÁI*
SAI MỘT LY ĐI MỘT DẶM	*THÍCH-NỮ THỂ-QUÁN*
CHIẾC TƠI CÁ	*TÂM-HỶ*
ĂN CHAY	*Bác-sĩ ĐÀO-TUẤN-KIỆT*
PHÒNG 159 (Truyện ngắn)	*NGUYỄN-THÁI*
NHÌN PHẬT-GIÁO QUA MẮT KHOA-HỌC	*UÔNG-TRÍ-BIỀU*
LÁ THƯ MÙA THÀNH ĐẠO	*ĐỨC-THƯƠNG*

BÌA DO HỌA-SĨ **PHẠM-ĐĂNG-TRÍ** *TRÌNH BÀY*

NHÌN LUI
TRƯỚC KHI BƯỚC TỚI

Lại một năm nữa sắp qua. Thời gian tuần tự vắt vào hư vô, vào quên lãng thêm 365 ngày nữa. Nếu cái gì có thể còn lại, thì đó là kỷ-niệm, là tình cảm, là kinh-nghiệm đã in sâu đậm nét trong lòng mỗi chúng ta. Nhưng những nét sâu đậm ấy rồi cũng sẽ phai lạt dần theo với thời gian qua, để dành chỗ cho những dấu vết khác, mới mong hơn. Vậy trong khi chúng nó đang còn nóng sốt, mới mẻ, chúng ta hãy làm một cuộc kiểm-điểm tổng quát sau một năm để rút ra những bài học kinh-nghiệm. Chỉ như thế, quá khứ mới thật có ý nghĩa, ích lợi cho cuộc đời. Chúng ta không nhìn lui quá khứ để mà than tiếc những gì đã mất, để ngưỡng mộ tán thán những gì không còn nữa. Chúng ta mổ xẻ quá khứ như những sinh viên y khoa giải phẫu những xác chết để tìm những bài học mới, có thể giúp ích cho cuộc sống ngày mai.

Trong phạm vi tạp chí Liên-Hoa này, chúng ta cũng áp dụng phương pháp «ôn cố tri tân» ấy.

Trước tiên chúng tôi xin nhắc lại chủ trương của Liên-Hoa Nguyệt-san là hoằng dương chính pháp, giúp đỡ tín đồ Phật-giáo có phương tiện tu học dễ dàng. Thật ra, đấy là mục đích chung của mọi tạp chí Phật-giáo: Nhưng cái điểm riêng biệt của Liên-Hoa là nhắm đi sát với thực tế, với cuộc đời thường nhật, cố làm sao giúp ích cho tín đồ áp dụng được những lời Phật dạy trong đời sống của mình. Liên-Hoa không

đưa ra những giáo lý sâu xa, huyền diệu, khó nghĩ khó bàn, cũng không có cao vọng làm một cơ quan nghiên cứu, cung cấp tài liệu cho giới trí thức, học giả muốn đi sâu vào đạo. Công việc này, chúng tôi xin nhường cho Phật-giáo Việt-nam Nguyệt-san. Đối tượng của Liên-Hoa là đại đa số Phật-tử biết đọc, biết viết và cầu học, cầu tiến.

Để đạt được mục-đích ấy, Liên-Hoa chỉ đề cập đến những vấn đề thiết thực xảy ra hằng ngày, và viết với lối văn rất giản dị, sáng sủa, mà bất cứ độc giả nào cũng có thể hiểu được dễ dàng. Cũng trong mục đích phục-vụ thiết thực độc giả và dắt dẫn nhau tiến trên đường Đạo, Liên-Hoa Văn-Tập mở ra mục «kiểm điểm» trong mỗi số, khuyến-khích những việc làm, những thái độ đẹp đẻ, xây dựng; bài xích những gì trái với Chánh Pháp, trái với sự tiến bộ của dân-tộc và nhân loại. Trong lúc kiểm điểm, chúng tôi không nhắm riêng một nhóm người nào hay một cá nhân nào để tâng bốc hay mạt sát, mà chỉ nhắm những công việc, những thái độ tốt hay xấu, đáng khen hay đáng chê mà thôi. Xin quý vị độc giả thông cảm cho điều ấy; có như thế mới mong cùng nhau tiến bước trên đường sáng của Đời và của Đạo. Trong công việc này, chúng tôi không dám tự phụ rằng mình không thể sai lầm; vì thế chúng tôi thiết tha kêu gọi sự tham gia ý kiến của quý vị độc giả để sự kiểm thảo được xác thực đầy đủ, sâu rộng, lợi ích hơn.

Không phải chỉ trong việc kiểm thảo, mà cả trong các vấn đề khác, trong các mục khác, như nghiên cứu hay sáng tác, phiên dịch chúng tôi luôn luôn mong mỏi được sự tham gia quý báu của quý bạn, bằng cách gởi bài vở hay ý kiến, đề nghị của quý bạn để cơ quan ngôn luận chung này của Phật tử một ngày một thêm giá trị.

Trong gần bốn năm trời, từ một hình thức phôi thai, Liên-Hoa đã tiến dần đến địa vị vững vàng ngày nay với trên ba ngàn độc giả dài hạn. Đó là kết quả đẹp đẻ của sự cố gắng không ngừng của tòa soạn, và cũng là kết quả của một sự hợp tác chặt chẽ giữa quý độc giả và chúng tôi. Nhưng chúng ta không bao giờ tự mãn, tự cho là đầy đủ mà dừng nghỉ ở một điểm thành công nào. Công việc của đời

này không có gì là hoàn toàn tuyệt đối, và con đường tiến bộ không có cái đích cuối cùng. Cho nên chúng ta cần phải luôn luôn nỗ lực tiến mãi. Trong năm tới, Liên-Hoa sẽ nhắm cải thiện cả nội dung lẫn hình thức. Về nội dung, bài vở sẽ đề cập đến mọi khía cạnh sống động của cuộc đời có liên hệ mật thiết đến người Phật tử. Chúng tôi luôn luôn nuôi hoài bảo làm cho Liên-Hoa trở thành một cơ-quan ngôn luận có thể phản ảnh trung thành đời sống của người tín đồ chân chính, thuần thành của Đạo Phật. Về hình thức, Liên-Hoa sẽ thêm số trang, thêm tranh ảnh, và sẽ trình bày một cách hấp dẫn hơn.

Những dự định ấy, thực hiện được, một phần còn do thiện chí hợp tác của quý vị về cả phương diện vật chất lẫn tinh thần.

Chúng tôi kính cẩn chấm dứt ở đây những giòng chữ cũ một lần với cánh cửa của năm Mậu-tuất sắp khép lại, để hy vọng mở đầu những giòng chữ mới mẻ hơn một lần với hai cánh cửa rộng mở của năm Kỷ-Hợi sắp sửa đến.

LIÊN-HOA NGUYỆT-SAN

KÍNH QUÝ - VỊ ĐỘC - GIẢ

Với số 12 này, **LIÊN - HOA** *vừa đầy bốn tuổi. Với bốn tuổi trưởng thành,* **LIÊN-HOA** *đã nhờ sự ủng - hộ thực - tiễn của qui - vị nhận mua năm và còn giới thiệu thêm bạn hữu mua đọc nữa.*

Sang năm mới, với hình-thức và nội-dung hoàn toàn đổi mới, theo yêu cầu của độc - giả, chúng tôi rất hoan-hỷ đón tiếp qui-vị độc-giả tiếp mua dài hạn hoặc cho biết thêm những bạn hữu có cảm tình với **LIÊN-HOA** *để chúng tôi gửi báo, cũng như qui-bạn vì hoàn cảnh bất đắc dĩ không thể mua nữa để chúng tôi đình chỉ gởi báo.*

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn qui-vị.

LIÊN-HOA NGUYỆT-SAN

PHẬT-GIÁO VỚI VẤN-ĐỀ TU-DƯỠNG

CỦA

THANH - NIÊN

LỜI NÓI ĐẦU

Bất cứ lúc nào và ở đâu cũng có một số thanh-niên cho rằng tu-dưỡng là việc riêng của những người tu, những người không thiết-tha với thế-sự, hay của ông già bà cả, những người gần đất xa trời. Còn thanh-niên là những người tràn đầy sức sống không thể làm cái việc tiêu-cực ấy được.

Quan-niệm trên phải chăng là một quan-niệm hợp lý? Mà nếu không, thì thanh-niên phải tu-dưỡng thế nào để có lợi cho đời mà vẫn hợp với Đạo?

Để xem ý-kiến của chúng tôi đối với vấn-đề thế nào, xin mời các bạn tiếp-tục theo dõi những mục sau đây:

I) THANH-NIÊN VỚI VẤN ĐỀ TU DƯỠNG

THANH niên là giai đoạn qúy nhất của đời người: thân thể cường tráng, tinh-thần linh-hoạt, không sợ gian-khổ, thừa nhiệt huyết để thực hiện đại sự... Thanh-niên còn là linh hồn của dân-tộc, sức sống của nhân-loại.

Vì thế trong cuộc sống hỗn loạn nầy, thanh-niên phải có một lý tưởng đạo đức để khỏi sa đọa vào những cạm bẫy của vật dục thấp kém và để đào luyện tài đức cho bản thân, giúp ích cho gia-đình xã-hội. Thiếu đạo đức, thanh-niên sẽ dễ dàng hư hỏng, đời sống trở nên vô nghĩa. Thiếu đạo đức mà có tài thì lại càng nguy hiểm cho

quốc-gia xã-hội, họ sẽ dùng tài trí thông minh để tác hại mọi người. Nếu tài đức song toàn thì đó là con người kiểu mẫu đáng kính đáng yêu và là phúc tinh của nhân-loại. Muốn có một đời sống đạo đức tốt đẹp, phải chịu khó tu dưỡng. Muốn sự tu dưỡng được kết quả phải áp dụng những phương pháp tu hành của các tôn giáo chơn chính. Thanh niên phải lựa tìm một tôn giáo thích hợp với tuổi tác và tinh thần của mình.

II) QUA CÁC LẬP THUYẾT ĐẠO-ĐỨC

Có rất nhiều phương pháp tu dưỡng trong một tôn giáo. Nhưng tất cả đều thành lập trên một nền tảng đồng nhất. Do đó chỉ cần tìm hiểu các lập thuyết đạo đức thì biết được tổng quát các phương pháp tu dưỡng của các tôn giáo. Hai lập thuyết sau đây có thể đại biểu cho tất cả:

1) Thuyết thiên mạng:

Thuyết thiên mạng là thuyết dùng oai quyền của thần linh để dạy người tu dưỡng. Thuyết nầy bảo rằng: Ai biết lo tu tâm dưỡng tánh biết ăn hiền ở lành thì được trời đất quỷ thần chứng giám ban ân xuống phước; ai ăn chơi phóng đảng thất nhơn ác nghiệp thì bị trời đất quỷ thần ghét bỏ, gieo phạt tai vạ...

Những thanh - niên có một tâm hồn cứng rắn, giàu lý-trí, biết phân tích không thể nào tin những sự đe dọa hão huyền, những lời hứa suông của những thần thánh vu vơ như thế được.

2) Thuyết lương tâm

Thuyết nầy dạy người phải cố gắng sống với lương tâm và phải giữ tròn nhân cách vì tánh của con người là vốn lành (tánh bổn thiện). Nếu không thì không xứng đáng với danh nghĩa con người. Sống trái với bản tánh thì bị lương tâm dày vò, quở trách rất là đau khổ!

Suy kỹ, thì lời khuyên của thuyết nầy chỉ có hiệu lực một cách yếu ớt với số thanh niên có một căn bản giáo dục của gia-đình xã-hội và đang còn trong trắng. Còn đối với những thanh - niên đã bôi nhớp đời mình và quen sống với dục vọng xấu xa, không thiết gì đến nhân phẩm và không còn biết ăn năn xấu hổ, thì thuyết nầy trở nên vô bổ.

Hai thuyết trên đều có chỗ khuyết điểm, vì không nói rõ tại sao con người phải làm lành, tránh dữ, phải sống với đạo

đức để lợi mình, lợi người. Như thế chúng không thể làm nền tảng cho cuộc sống đạo đức của thanh-niên được.

III) LẬP THUYẾT CỦA PHẬT - GIÁO

Phật-giáo rất chú trọng đến vấn đề tu dưỡng. Tất cả lời dạy của Phật đều là những phương pháp tu dưỡng có mục đích khai sáng cho con người biết nhận chân và thể nhập chân lý nhân sanh và vũ trụ, đào tạo cho con người một tình thương quảng đại bình đẳng và hướng mọi hoạt động của con người về với lẽ thiện.

Những phương pháp tu dưỡng ấy đều được xây dựng trên một nền tảng vững chắc, thuận lý, thuận tình rất thích hợp với thanh-niên. Hai giáo lý sau đây là hai khía cạnh của lập thuyết Phật - giáo đối với vấn đề tu dưỡng.

1) Lý nhân quả.

Nhân quả là một định luật hiện-thật và phổ biến của nhân sinh cũng như vũ trụ. Nó giải thích một cách khách quan nguyên nhân và kết quả của sự vật: Nhân tốt thì quả tốt, nhân xấu thì quả xấu, nhân quả theo nhau như hình với bóng. Lý nhân quả trong nền Phật-Giáo còn phân tích sự phức tạp của sự vật: Một nhân không thể tạo thành quả mà phải có phụ duyên, (nhân duyên) Nhân quả tương tục trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai nên có thể thỏa mãn được tất cả những thắc mắc về sự sai dị của nhân sanh, vũ trụ, nhất là nhân sanh.

Thấu rõ được lý nhân quả thanh niên sẽ nhận chân sự thật của sự vật không mê tín dị đoan, ỷ lại thần quyền, biết tự tín mạnh mẽ ly khai với đời sống xấu xa độc ác và vững tâm trong công việc tu thân dưỡng đức.

2) Lý vô-ngã.

Vô-ngã là một đạo lý nói rõ sự thật của nhân sinh, vũ trụ; con người cũng như vạn vật đều không phải là một cá thể duy nhất, chân thật, thường tồn và độc lập mà là một giả tướng luôn luôn biến chuyển và có ra là nhờ sự hòa hợp của bao nhiêu yếu tố khác.

Đạo lý này có hiệu lực phi thường trong công việc phá trừ sự cố chấp sâu nặng về cái ta nhỏ hẹp, ti tiện, nguyên nhân đau khổ của con người và xã hội. Nó đủ năng lực làm tan vỡ những bức thành ngăn cách

giữa cá nhân với cá nhân, giữa quốc gia với quốc gia và giúp loài người đi lần đến cuộc sống chung hòa an vui vĩnh viễn.

Chỉ những người hiểu và sống đúng đạo lý này mới có những đức tánh từ-bi, hỷ-xả và những hành động vị tha công ích. Vì vậy, đạo lý nầy rất thích hợp với thanh niên, những người muốn sống nhiều và sống rộng.

Tóm lại, chỉ hai giáo thuyết trên cũng đủ làm nền tảng cho căn bản đạo đức và nhất là gây được cho thanh niên một quan niệm thực tiễn trong cuộc sống tiến bộ và một tình thương cao rộng để giúp đời.

IV) PHƯƠNG - PHÁP TU - DƯỠNG CỦA THANH - NIÊN

Bằng vào những giáo thuyết chân xác của Phật-giáo đã thiết lập rất nhiều phương pháp tu dưỡng cho thanh niên. Nhưng muốn thu gặt kết quả, đầu tiên phải áp dụng những phương pháp cơ bản sau đây qua hai giai đoạn :

Giai đoạn thứ nhất chú trọng đến phần tự giác, tự lợi nhiều hơn. Căn cứ theo lý nhân quả, nên không có sự ỷ lại cầu xin mà phải nỗ lực trong công việc tu dưỡng theo chánh-pháp :

a) Thanh tịnh hóa bản-thân.

Trước hết phải thanh - tịnh hóa bản thân bằng cách đào luyện cho mình có một phong độ trang nghiêm, một tư cách thanh nhã theo 5 giới cấm mà Phật đã dạy cho đệ-tử tại gia :

— Không được giết hại mà tôn - trọng sự sống của muôn loài.

— Không trộm cướp mà bố thí tài-sản cho người.

— Không tà - dâm mà sống đời lễ-tiết.

— Không dối - trá mà tôn-trọng sự thật.

— Không say-sưa mà trau dồi tri - tuệ.

Hoặc cao hơn thì có thể thật hành theo 10 thiện nghiệp.

b) Gạn lọc tâm - hồn và điều - luyện ý - chí.

Thứ lại, tu tập các phép quán tưởng để diệt trừ những ý niệm xấu xa, nguyên nhân của tội lỗi và rèn luyện nghị lực để thắng tất cả trở ngại bên ngoài cũng như bên trong :

— Phép quán « bất tịnh » giúp thanh niên thấy rõ mặt trái ghê tởm của xác thân — của mình cũng như của người — để diệt trừ những dục vọng thấp kém, khỏi tham đắm và

quá cưng dưỡng xác thân đến nỗi trở thành ích kỷ.

— Phép quán « thọ là khổ » giúp thanh niên nhận rõ tai hại của tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn ngon, ngủ kỹ để sống một đời sống thanh đạm, có đủ thì giờ và năng lực lo đại sự.

— Phép quán « tâm vô thường » giúp thanh niên biết được sự biến chuyển của dòng tâm niệm để gạt bỏ sự cố chấp về bản tánh cố định của con người và để dễ kiểm soát điều trị tâm lý.

— Phép quán « pháp vô ngã » giúp thanh niên thấy rõ sự giả dối hư huyễn của vạn vật để được tự tại không bị chi phối bởi hoàn cảnh. Và cao hơn thì không chán đời sợ khổ trong khi lăn lộn giúp người. Tùy theo căn-tánh có thể thực hành một hay cả bốn phép quán trên, nhưng phải chuyên nhất và thấu đáo thì mới có kết quả.

c) Phải có thật - học

Phải có thật học đối với thế học cũng như đạo học. Thế học giúp cho thanh niên sự hiểu biết thường thức và những điều kiện để sống ; đạo học giúp cho thanh niên biết sống : sống với đời bằng đạo lý và biết hướng thượng.

Chữ học trong Phật giáo còn có nghĩa là thực hành và kết quả cứu kính của sự học là thực hiện đầy đủ những điều kiện hiểu biết và thể nhập một cách trọn vẹn bản thể của vũ trụ.

Muốn thành tựu trong việc học tập phải theo phương pháp gồm có 3 phần sau đây :

— **Văn - huệ** : nghe, đọc những gì cần hiểu biết với tinh thần phân tích, với sự nhận định sáng suốt.

— **Tư-huệ** : suy nghiệm, thí nghiệm những điều đã hiểu biết để có một sự hiểu biết đích xác hơn.

— **Tư-huệ** : thực nghiệm, áp dụng những điều hiểu biết trong cuộc sống.

Qua giai đoạn thứ hai, vì sau khi đã có một căn bản về tài cũng như đức, thanh niên học Phật phải phát bồ đề tâm, cố gắng đem tài đức của mình để cảm hóa và hướng dẫn mọi người. Để phù hợp với giáo lý vô ngã, thanh niên học Phật phải sống nhiều cho kẻ khác, hòa mình trong cuộc sống để giúp đời bằng mọi phương cách, đem đạo vào đời và làm cho đời gần đạo.

a) Giúp người thiếu - thốn.

— Hoặc là chánh trị gia, hoặc là bác sĩ, giáo sư, hoặc là công nhân v. v... ở địa vị nào, đối với chức nghiệp nào cũng có thể giúp người được, luôn luôn giữ gìn ý muốn cao đẹp : diệt trừ đau khổ và gieo rắc vui tươi cho mọi người, cố gắng làm theo những lời dạy nầy của đức Phật « Hãy cho kẻ nào oán mình nhất những điều sung sướng nhất » và « Làm cho chúng sanh hoan hỷ tức là cúng dường chư Phật ».

b) Gieo rắc Chánh - pháp.

Không nệ ở đâu ; trong công sở, ngoài đồng ruộng, ở chợ búa, nơi nào có người thì nơi ấy là đất tốt để gieo rắc Chánh pháp. Có thể cảm hóa người bằng lời nói êm ái dịu dàng, giảng giải Chánh pháp để giúp người giải quyết nỗi khổ một cách vĩnh viễn. Và cảm hóa một cách thường xuyên hơn bằng cách giữ gìn tác phong đạo đức của mình.

V) KẾT - LUẬN

Qua những mục trên, chúng ta nhận thấy tu dưỡng quả là vấn đề cần thiết cho thanh niên. Những thanh niên muốn có một đời sống hoàn toàn không thể không áp dụng những phương pháp tu dưỡng hợp lý, hợp tình của Phật giáo. Sống mạnh và sống rộng là kết quả của những người biết sống theo Phật giáo. Và như vậy, trong lúc phần đông thanh niên xem thường đạo đức và đang lao mình vào lò lửa văn minh vật chất này, chúng tôi thiết tưởng giới thiệu Phật giáo cho thanh niên là một việc đáng làm của những ai hằng lưu tâm thế hệ ngày mai của dân tộc và nhân loại.

Viết tại Phật-học-Viện
Mùa thu 2502
THÍCH-THIỆN-CHÂU

KÍNH CÁO

LIÊN-HOA năm thứ nhất đến năm thứ tư vẫn còn tại Tòa-soạn. Vị nào muốn thỉnh từ một năm đến bốn năm. Xin liên lạc với Tòa-soạn.

LIÊN-HOA NGUYỆT-SAN

CẢM - NIỆM

Thơ : NGUYỄN-THÁI

TRONG đông đảo, bỗng một ngày thấy lạ,
Hai hàng mi tia sáng hai vì sao,
Mấy rạng rỡ đón chào vừng trán nở,
Thấy rung rinh hoa nhếch một dáng cười.

Ta tự hỏi, có phải Người Giáng-thế ?
Thuở xưa kia đã khuất giữa đời mê,
Và vất lại ở sau từng dấu bước
Những đài hoa ngát thoảng trên Đường về...

Và một chốc, tự thấy mình chết cứng,
Mắt không trông, lòng không hồi, tai không nghe !
Bởi vì chưng Ánh-sáng quá cao sang,
Hương đầm ấm, lời không bằng giọng nói.

Phút trị-vì chớp sáng giữa màu đen,
Ta ngẩn mặt ngẫm những lời quý giá.
Và láng láng hồn kéo xuống nhân gian
Mây và gió và mặt trời, cõi lạ,
Cho « ở đây » tan biến những u buồn.
Nhân tình sẽ đơm lên ngày tháng mới :
Cây Yêu thương, hoa Giải thoát, trái Yên vì.

Lòng thơm lòng, đứng ở chôm cuối năm
Ta thấy Sáng quét những ngày hắc ám.
Và muốn nhắn với bạn bè quả đất :
Đã có rồi an-lạc với bình-an !

Đừng ai hỏi vì sao chưa đổi mới ?
Hoa thơm lên, nắng đầy sáng trên trời
Bởi vì chưng thấy sợ một Vừng cao.
Nên vẫn có những chán ghì ngõ tối !

Mây trắng quá, nỗi không rời buổi nắng,
Trời xa xăm đắm chết những ngày xanh.
Nhưng quả đất có một lần sáng láng...
Chỉ một lần, Sáng mãi đến vô chung !

Paris, mùa Thành Đạo năm nay

SAI MỘT LY ĐI MỘT DẶM

THÍCH-NỮ THỂ-QUÁN

ĐẦU núi choàng mây bạc
Lòng khe kết cỏ xanh
Thông reo niềm an-lạc
Nước gợn nét thanh-bình
Hoa ngát hương ly-dục
Chim hòa nhạc vô-sanh
Nga-mi phong cảnh đẹp
Văn chương tả khó thành.

Đây là thắng cảnh của núi Nga-mi khi mà có thêm hai vị thuyền sư lên tu ở đó.

Cảnh đẹp của Nga-mi-sơn hòa với tịnh đức của hai vị thuyền sư, thật ra người ta có gói gọn trong mấy vần thơ trên đây, tưởng cũng chưa tả hết ý nghĩa cao đẹp của nó vậy.

Rồi cứ mỗi khi sương sớm, chiều tà khi đi ngang qua dưới núi Nga-mi, dân chúng không khỏi chậm bước lại, để lắng tâm tư nghe điệu thăng trầm của tiếng chuông tiếng mõ.

Dân chúng trong vùng ấy không biết danh hiệu của hai ngài là chi? Và ở đâu đến? Nhưng một sáng tinh sương cách đấy rất lâu. Người ta thấy có hai vị sa-môn, một vị đã lớn tuổi, và một vị còn ít tuổi; bầu gói lên núi Nga-mi rồi ở tu luôn tại đấy, nên họ mệnh danh là Đông-lan đại-đức (vị lớn) và Tây-lan Thượng-tọa (vị nhỏ). Vì trên ấy có

hai động đá : một về phía tây, một ở phía Đông cách nhau không xa. Trên núi có rất nhiều trái tươi, hoa đẹp, lại có suối nước trong, thật vừa đủ tiện nghi cho những ai muốn ẩn thân tu niệm.

Và đây là hai thầy trò, cùng một lý-tưởng, đồng một chí nguyện « dứt hết trần duyên » lên đây tu tịnh.

Hai thầy trò đến núi Nga-mi được ít lâu dân làng rất sùng mộ, và có những tấm lòng mến đạo bốn phương rủ nhau đến bái yết tấp nập. Song từ lâu rồi, hai ngài không tiếp khách nữa, nên Nga-mi-sơn hoàn toàn thanh tịnh. Ngoài những tiếng chim kêu suối chảy, ít thấy nhân vật lui tới.

Thời gian trôi qua, cứ lặng lẽ trôi qua, năm tháng đối với khách ly-trần đã không thành vấn đề. Chỉ có khi nào nghe chim Hoàng-anh hót báo xuân về, thì hai thầy trò lại ra suối để đàm đạo cùng nhau.

Thế rồi lâu lắm, có một hôm Tây-lan thượng tọa đương ngồi tịnh niệm. Tuy đêm mới tối mà có mưa lâm thâm nên cảm tưởng như đã khuya, bỗng nhiên, một bóng người cao lớn nhẹ nhẹ bước vào cửa động. Tuy Tây-lan không nhìn hẳn nhưng bên khóe mắt cũng thấy mường tượng một phần nào bóng kia, đầu tóc bù xòa, và hình như có nanh nhọn lồi ra nơi miệng.

Tây-lan bỗng suy nghiệm : ai hè ? ở đây tứ khí anh-linh nếu không phải thần tiên hiện xuống thì chắc ma quỉ chi đây. Vậy ai? e ma không phải ma, chắc quỉ, nên hình dung mới kỳ quái vậy. Rồi người cảm thấy âm khí tỏa ra, lành lạnh sau lưng, nhưng rồi cái bóng ấy lặng lẽ rút lui. Bỗng người lắng nghe như bên Đông lan có tiếng vật nhau huỳnh-huỵch, tiếng hầm-hừ, tiếng hét lên rất lâu lại nghe một tiếng rít lên dữ dội, tiếp đó như có tiếng người ngã, rồi tiếng rên ban đầu lớn sau nhỏ lần. Tây-lan chắc thầy mình bị quỉ vật ngã, người toan chạy qua để cứu thầy, nhưng tay chơn đều cứng đờ không làm sao nhấc lên nổi. Bỗng nhiên bóng quỉ lại tiến vào động mình, Tây Lan khủng khiếp quá. người cảm thấy mùi máu tươi nồng nặc ở miệng quỉ tuông ra, hình như bóng quỉ áp gần, Tây-Lan hoảng hốt vận hết sức lực

vùng dậy toan kháng cự nhưng tinh thần tán loạn, bất giác người vùng chạy đại.

Vừa khỏi cửa động thì hình như bóng quỉ cũng chạy theo. Tây-Lan chạy bán sống bán chết, không còn biết phương hướng nào, càng chạy lanh, bóng quỉ cũng chạy lanh cứ xít-xoát gần sau lưng thầy. Hai bóng cùng chạy trong đêm, xuống núi bao giờ không biết, rồi băng qua mấy giãy đồi thấp, khi gần đến đồng ruộng thì trời đổ mưa to. Bóng quỉ chạy càng lúc càng gần, nhưng may sao khi gần đến một tòa nhà rộng có bóng đèn trong chiếu ra thì bóng quỉ biến mất, Tây-Lan cũng vừa ngã quị xuống. Giây lâu mới hoàn hồn nhìn kỹ thì đây là một toà nhà đồ sộ có lẽ của một vị quan lớn nào. Nhờ cái cửa ngỏ làm theo kiểu tam quan nên Tây-Lan núp được cơn mưa xối xả.

Giờ đây Tây-Lan muốn trở về núi để xem thầy mình ra sao, nhưng đường đi lên núi Nga-mi thật mịt mù phương hướng vì hiện đây không biết thuộc quận huyện nào, mà giờ nầy cũng không thấy một bóng người qua lại.

Tây-Lan sửng sờ một lúc, hình dung lại khi bóng quỉ hiện vào chợp chờn, rồi hình như bóng quỉ vật lộn với thầy mình, tiếng người rít... ngã xuống... thì chắc chắn thầy mình bị quỉ ăn rồi, bây giờ lên lại núi với ai ? và biết đi đường nào ?

Trời đã hết mưa, có trăng non lờ mờ. Bất giác Tây Lan nhìn vào nhà kia bỗng thấy có một cánh cửa mở hé, rồi có hai bóng người trong phòng lẻn ra ; bóng trước hình dạng đàn bà, bóng sau là đàn ông cao lớn, trên vai mang một bọc to có vẻ nặng lắm. Trong bóng trăng lờ mờ Tây-Lan cũng đoán chắc hai người nầy nếu không phải là ăn trộm thì chắc cũng gian phi chi đây. Người chú ý chờ xem có ra cửa ngỏ không ? nhưng chờ mãi vẫn không thấy. Thầy chột dạ nghĩ thầm : Nếu ta ngồi đây chốc nữa chắc không khỏi tai họa thôi ta đi liều vậy. Thế là người thất thểu ra đi. Trăng lại mờ, trời sắp mưa cơn khác. Khoảng đường toàn ruộng, hết ruộng, là rừng âm-u không có một bóng nhà nào. Tây-Lan vừa đi vừa chạy, trong tâm tư phần nghĩ

thầy mình bị quỉ ăn, phần nhớ lại những giờ phút tu hành thanh tịnh ở núi Nga-mi mỗi độ xuân về thầy trò lại ra khe đàm đạo. Ôi những lời thầy căn dặn còn vang-vãng bên tai, hình dạng thầy còn mường tượng trước mắt... ai ngờ thầy ta bỗng nhiên bị hại, còn thân thế ta ra vầy thật cũng tại quỉ báo đời ! than ôi ! biết bao giờ ta gặp lại thầy ta ! Phần thương thầy, phần thương thân thế, chí trượng phu đến khi kiệt lộ cũng phải nhũn lòng tự nhiên hai hàng nước mắt trào ra. Đêm càng khuya, mưa càng nặng hột rủi ro thay thầy lở chơn rơi tuốt xuống giếng hoang cạn nước, hồn bất phụ thể thầy toan tìm cách leo lên, song sao dưới chơn thầy đạp phải vật gì lầy-nhầy, thầy cúi xuống sờ xem thì... hỡi ôi ! một cái đầu đàn bà tóc dài lê thê.

Ôi ! sao mà tam đồ bát nạn ở đâu rủ nhau cùng đến với thầy trong khoảnh-khắc ? Bình minh lên càng làm thầy khủng khiếp hơn, vì đấy là một thây người con gái hình như vừa mới bị ám sát nên huyết tươi dính đầy áo xống thầy.

Tây Lan bàng-hoàng như trong giấc mơ dữ thầy toan trèo lên để đi, thì bỗng nghe có tiếng lào xào hình như một toán người đông đương lùng bắt kẻ gian. Quả thật, một toán người vừa đi vừa hầm hét, thầy ngồi im dưới giếng sợ run như người sắp bị đem xử tử. Trong lòng thầy nghĩ nếu toán nầy dòm xuống giếng thấy ta với cái tử thi nầy thì ta còn biết kêu oan vào đâu ? thầy ngẩn mặt khấn giữa hư không : nếu oan trái của con đã đến ngày đáo đầu thì xin Phật cho con trả gấp. Thầy vừa nghĩ vậy thì nghe có tiếng người la to : phải cẩn thận coi chừng quân gian nó núp đâu đây. Khi toán người nghe vậy thì ai nấy dừng cả lại và lục soát quảng đường hoang vu ấy. Bỗng một người nhìn xuống giếng kêu to : quân gian đây rồi, kéo nó lên, trói lại. Than ôi ! tình ngay lý gian ai là kẻ minh oan cho người tu hành ấy ?

Nói về hai cái bóng ở nhà ông tể-tướng hôm nọ chính chỗ Tây Lan thượng tọa trốn quỉ ẩn mưa là tư dinh ông tể tướng mới về hưu. Ông có một người con gái tên Lan Hương mới 18 tuổi, nàng rất đẹp lại được cha cưng, và ông đã hứa gả con cho một công tử môn đăng hộ đối. Nhưng nàng không bằng lòng, vì nàng đã trót yêu Tuấn Dũng một người học trò nghèo. Nếu thưa thiệt thì chắc cha nàng không chấp

thuận. Lan-Hương không có mẹ, nàng còn biết tỏ nỗi lòng với ai? chỉ có một bà vú già là người tay chơn tin cẩn của nàng. Khi Hoàng phu-nhân gần tạ thế, người đã ký thác tất cả tình yêu con cho người vú già trung thành ấy. Từ ngày mất mẹ, Lan-Hương có tâm sự gì đều tỏ thiệt với bà vú già, vì người cũng thương nàng như con vậy.

Khi được tin ông tể tướng cho biết, thượng tuần tháng 10 sẽ làm lễ vu qui cho nàng, Lan-Hương như người bị sét đánh, nàng chỉ còn biết khóc than thầm tủi, rồi bày tỏ tất cả tâm sự cùng ý định của mình cho vú nghe. Vú già rất thương xót tình cảnh nàng, nên hết lời giỗ dành và hứa sẽ giúp nàng theo ý muốn.

Lan Hương liền viết một bức tâm thư nhờ vú mật trao cho Tuấn-Dũng. Vú già thận trọng mang thư đi, khi ngang qua nhà, vú ghé thăm người con trai là Lý-Ngột. Lâu ngày gặp mẹ, Lý-Ngột mừng rỡ bảo vợ dọn cơm mời mẹ. Khi cơm xong thì trời đã trưa chàng mời mẹ ở lại nghỉ một lát cho đỡ nắng. Vì đi xa mệt nên vú nghe lời con liền nằm trên bộ ván rồi ngủ quên. Lý-Ngột vô tình mở gói hành lý của mẹ ra bỗng thấy bức thư. Chàng tò mò mở xem thì ra thư của Lan Hương hẹn bỏ nhà đi theo Tuấn-Dũng, trong thư hẹn ngày 4-9 lúc 12 giờ khuya bảo Tuấn-Dũng đến đón mình tại nhà. Trong thư nàng còn nói thật là sẽ đem theo nhiều vàng bạc và tư trang để đời sống của 2 người khỏi lo thiếu thốn.

Lý-Ngột xưa nay là người phóng túng, tuy có hiếu với mẹ, nhưng tính tình lêu lổng không chịu làm ăn nên thường bị mẹ rầy, và vì vậy bà ít đến nhà con, mặc dầu chỉ có 2 mẹ con nhưng bà thường ở luôn trong dinh ông tể tướng với Lan-Hương thôi.

Nay Lý-Ngột xem thư xong chàng như người bắt được của, vội đem lên vào phòng rồi sửa lại: ngày 4-9, 2 giờ khuya xong chàng phong thư lại cẩn thận để vào gói mẹ, rồi giả vờ nằm nghiêng bên ghế dài chờ mẹ dậy. Vú già ngủ một giấc say sưa, khi dậy thì Lý-Ngột vui vẻ pha nước mời mẹ, rồi hai mẹ con nói qua loa vài câu chuyện nhà xong, chàng tiễn mẹ đi một quảng đường — Vú già đã gặp Tuấn-Dũng và chàng trả lời sẽ đúng hẹn trong thư sẽ đến đón Lan-Hương.

Ngày hẹn 2 người đã đến, là cái đêm Tây-Lan thượng tọa thấy 2 bóng người trong nhà ông tể-tướng đi ra, song song

oăm thay. người đến đón Lan-Hương lại không phải Tuấn-Dũng mà là Lý-Ngột vậy. Lý-Ngột lặng lẽ mang cái bao to tướng đi sau Lan-Hương mà Lan-Hương thì yên trí Lý-Ngột là Tuấn-Dũng (vì hai người tuổi tác và hình dạng hơi giống nhau) khi ra khỏi nhà ông Tề tướng và đến chỗ hoang vu kia thì Lý-Ngột hạ-thủ Lan-Hương rồi bỏ xuống giếng hoang.

Đoạt được tư trang vàng bạc của Lan-Hương xong, chàng ăn chơi thả cửa, cờ bạc rượu chè bê tha không bao lâu lại sạch sành sanh, chỉ còn vỏn vẹn một cái trâm, anh ta đưa cho vợ đi bán nốt. Ma xui thế nào chị ta lại bán cái trâm ấy cho người tớ gái mới của ông Tề tướng cha Lan-Hương, chị tớ gái mua được cái trâm đẹp liền cài tòn ten lên mái tóc đi về dinh. Chị ta đi lên đi xuống coi có vẽ ta đây dắt trâm lắm, mấy bác linh hầu nhìn lấm-lét chị càng làm bộ thêm.

Từ khi ông Tề tướng mất con, rồi tìm được xác nàng dưới giếng và bắt giam Tây Lan thượng tọa, rồi cái án ấy cũng trầm đi chưa tìm ra manh mối, thấm thoát 3 năm qua. Hôm nay ông đương ngồi trên lầu bỗng nghe lào xào bàn tán mấy người linh hầu nói chuyện với nhau. Ông kêu vào hỏi thì ra chị tớ mua được cái trâm có khắc 2 chữ Lan-Hương ông đòi đem vào xem thì quả thật cái trâm của con gái mình, chính ông làm để cho con trong ngày sanh nhựt Lan-Hương — Rồi do manh mối ấy, người ta điều tra ra thủ phạm là Lý Ngột.

Nói về Tây Lan thượng tọa từ ngày bị bắt giam vào ngục tối, thầy thật ngao-ngán, thân cô thế cô thầy còn biết kêu oan vào đâu ? Thầy bèn lợi dụng khám thất làm thuyền thất, đêm ngày chuyên tâm niệm Phật, một lòng cầu Phật cho thầy mình và cầu cho oan hồn của người con gái vô phước kia được siêu thoát. Rồng rã ba năm tù tội, râu tóc ra dài, hình dung tiều tụy, nhưng tinh thần thầy lại càng sáng suốt, cho đến một hôm người ta mở cửa ngục và trả tự do lại cho thầy.

Thầy lặng lẻ đi thẳng một mạch lên núi Nga mi. Thầy tự nghĩ : thôi thà bị quỉ ăn thì ta về với thầy ta còn hơn, chớ oan trái ở thế gian dễ sợ quá. Ta xin nguyện cho tất cả chúng sanh, người làm quan có đủ trí tuệ để minh xét những nỗi oan khúc cho dân ; người làm dân phải có

lương tâm đừng gây nghiệp báo giết người cướp của, nhơn quả rõ ràng, không sớm thì chầy thế nào cũng không tránh khỏi. Trong đời tu hành của ta, ta xin nguyện cho tất cả chúng sanh hãy bỏ dữ làm lành để hưởng quả báo tốt...

Nga-mi sơn sồ-sộ trước mắt thầy, thấy cảnh nhớ người lòng thầy giờ phút ấy thật không giải thoát nổi hai chữ nhớ thương, bất giác hai hàng lệ từ từ tuôn ra, Thầy vừa tiến lên triền núi thì quái lạ ? tiếng mỏ ai đều đều như tiếng mỏ của thầy ta ? thỉnh thoảng cũng tiếng chuông ngân dịu dàng thanh thoát ấy ??? Thầy vội vàng leo lên đi thẳng đến Đông Lan, thì ô hay rõ ràng thầy ta tụng kinh, âm hưởng vang lừng động đá, hình dạng vẫn y nhiên chỉ có tấm cà-sa thầy đắp vì nhiều sương nắng nên bạc hết một bên vai.

Vừa lúc ấy Đông-Lan đại đức tụng kinh xong, Tây-Lan chạy vội vào quì xuống chơn thầy. Đông-Lan đại đức nắm chặt hai tay đệ tử, hai thầy trò cùng im lặng, và chỉ có sự im lặng mới tả hết nỗi niềm nhớ thương mừng tủi. Qua sự im lặng một lúc Tây-Lan mới kể lại từ khi sợ quỉ chạy xuống núi và bao nỗi gian lao trong ba năm qua.

Đông-Lan nhìn đệ tử, một cái nhìn đầy thương hại và cảm động. Người dịu dàng bảo : con ơi ! trong đường lối tu hành cần nhứt là ngự trị vọng niệm, tất cả chúng sanh cũng đều vì không ngự trị nổi vọng niệm nên mới luân hồi trong biển sanh tử. Nay con là người tu hành lại cũng bởi không ngự trị được vọng niệm để đến nỗi sai một ly đi một dặm như thế đấy, cũng như người đi đêm thấy sợi giây tưởng lầm rắn độc, vọng niệm khởi lên rồi thất kinh nhảy bậy. Vì thế ma quỉ mà con thấy đó chẳng qua chỉ là một nhánh cây gãy, hay một cây củi khô bị gió lay-lắc dưới bóng đèm lờ-mờ, song khi tâm con đã mất bình tĩnh do vọng niệm khởi lên rồi, thì con tự biến ra là quỉ có đầu cổ sừng hẳn hòi...

Thật ra tự bấy đến nay thầy vẫn vô sự nào có thấy ma quỉ chi đâu. Trong ba năm nay mỗi độ xuân về thầy lại ra suối, qua động tìm con, nhưng mịt mù tin tức, thầy tưởng cảnh sơn cước hoang vu đã làm con thối đạo bỏ thầy... Nhưng cũng may, tất cả gian truân con chịu đựng cũng vừa đủ để luyện thêm tâm chí cứng cáp cho con, thôi giờ con hãy về thăm động cũ và lo lắng tu niệm tinh tấn hầu mong cứu độ chúng sanh để báo đáp hồng ân Phật Tổ.

CHIẾC TƠI CÁ

Kính gởi Mẹ

Mẹ !

... Bây giờ con đang ngồi trong phòng học có cửa sổ trông ra đường cái dưới trời mưa. Mưa dầm, rét lắm, Mẹ ạ. Chẳng mấy thuở mà Sài-gòn lại mưa dai dẳng như ơa hôm nay, làm con nhớ Huế quá sức.

Đường nhựa vắng khách bộ hành. Nhưng con vừa thấy... Mẹ ơi ! Mẹ có đoán được con vừa thấy cái gì không ? — Một chiếc tơi cá, Mẹ ạ ! Vâng, chỉ có thế, nhưng nó gợi cho con bao nhiêu là kỷ ức, khiến con định tâm sẽ viết cho Mẹ rõ dài.

Mẹ đang ngồi nhìn trời mưa mà ngóng thư con, phải không Mẹ ? Con đoán chắc Huế hiện giờ cũng đang mưa. Mùa mưa mà lại !

Nhưng thôi, để con trở về với chiếc tơi cá ; hẳn Mẹ ngạc nhiên vì sao con lại chú ý đến nó. Vì đã hai ba năm rồi, con không hề thấy bóng dáng một chiếc tơi cá, Mẹ ạ. Hôm nay tình cờ nhìn thấy nó lướt qua con « a ! » một tiếng, bỡ ngỡ như vừa gặp lại bạn cố tri. Nhưng nó đã khuất rồi, người bán lạc rang đã hút bóng dưới trời mưa và chiếc tơi vụt biến đi như hồn ma của quá khứ.

Mẹ ơi ! Chiếc tơi cá... Con làm sao quên được những ngày thuở hàn vi. Nước mắt con đã lại dâng lên vì sung sướng và kiêu hãnh được là con của Mẹ. Rực-rỡ làm sao ! Tình thương chan hòa của Mẹ đã tỏa ra hào quang và soi sáng đời con để có đến hôm nay.

Mẹ có nhớ không... Không, nhỏ nhặt quá, làm sao Mẹ còn nhớ được khi mà chính cả lòng hy sinh, nhẫn nhục mênh mông của Mẹ, Mẹ cũng đã và đang quên ? Nhưng con, thì con nhớ mãi những mùa đông được sống bên Mẹ. Mười năm qua rồi... Nhà tranh, nền đất, cơm rế ngô khoai, những sớm đông lạnh run người đi học với một tấm áo vải dù chưa ráo nước... Tất cả hôm nay

sống dậy trong tâm tưởng con với ít nhiều kiêu hãnh là đã được nghèo!

Một đêm mùa đông... Con còn nhớ rõ quá, hình bóng Mẹ ngồi dưới ánh đèn leo lét đang chăm chú khó nhọc đâm từng mũi kim để viền chiếc tơi cá của con với một đường vải. Tóc Mẹ đã bạc đi một vùng khi Mẹ chưa đầy năm mươi tuổi. Chao ôi, nước thời gian!

Nước thời gian nhuộm trắng mái tóc đáng tôn thờ của Mẹ nhưng lại nhuộm xanh ước vọng của con, để đến hôm nay con lại xây mộng bay nhảy khắp góc bể chân trời và phải xa Mẹ. Con xin tạ tội cùng Mẹ muôn vàn.

... Mẹ thức quá nửa đêm để hoàn thành đường viền chiếc tơi cá. Vì chiếc tơi mới cứng quá đã làm gót chân con rớm máu sau một buổi đi học về. Con đã khóc nhiều vì nước bùn thấm rát vết thương, nhưng lòng con se thắt lại hơn bao giờ hết khi thấy mái tóc Mẹ quá bạc và nhất là mắt Mẹ quầng thâm sau một đêm không ngủ.

Thế rồi sáng mai lại, con đã có một chiếc tơi cá đặc biệt hơn tất cả các chiếc tơi cá khác trên hoàn cầu, và con sung sướng lên đường quên cả lạnh, với chiếc áo vải dù hồi hôm còn đẫm nước đen như một đêm đông. Nhưng còn chiếc tơi... Ấm cúng và thuận tiện quá! Gió chiều nào, xây lưng tơi vào chiều ấy, và gót chân tha hồ va chạm vào tơi vì lần này đã có một lớp vải viền êm như nhung và êm như bàn tay của Mẹ.

Lại nữa những buổi sớm mùa đông... Mẹ mặc một chiếc áo dài không đủ ấm, ra vườn khi còn mờ đất để nhặt những chiếc mo cau gói buổi cơm trưa cho con đi đến trường. Cơm bới gạo đỏ với một ít tương kho mặn, giản dị như giấc mộng đơn sơ. Ôi đơn sơ làm sao là ước vọng!

Con lại nhớ một đêm lạnh, Mẹ ngồi cặm cụi thâu lại chiếc áo vải mà Mẹ đã may cho con quá rộng để trừ hao. Bị chúng chế nhạo mãi, con chỉ biết về nhà khóc và bắt thường Mẹ. Nhưng tất cả cảm xúc đều tan biến hết trong tâm hồn con, chỉ còn độc một lòng hối hận vô biên khi con nhìn lại mái tóc bạc của Mẹ dưới ánh đèn... Con định tâm từ đấy sẽ chăm học, thức khuya dậy sớm luôn để học thật giỏi cho Mẹ vui lòng và tóc Mẹ sẽ bớt bạc vì buồn lo. Dự định ấy khiến con vui thích quá. Con xuống bếp ngồi tâm sự với u Thanh rồ lâu. U đang đun nước vừa nghe con bàn

tình : « U ơi, từ nay em bắt đầu học nhiều đấy. Sáng mai u nhớ gọi em dậy thật sớm u nhé. U cứ kéo phăng cái mền của em đi, rồi em rét và phải dậy ngay. U hứa đi !

U Thanh hứa chắc với con. Đêm ấy u phải bế xốc con vào giường vì bếp lửa ấm quá, con đã tựa vào vai u mà ngủ say lúc nào không biết. Và sáng mai khi u gọi con thì con chỉ còn kịp thì giờ cầm một củ khoai và khoác chiếc tơi cá để lên đường. . .

Nhưng rồi thảng ấy con cũng được nhất lớp, khiến con tin rằng Phật rất thương những kẻ có lòng thành và đầy thiện chí. Mẹ vẫn kể cho con nghe câu chuyện « đức Phật chỉ cần có một cái Tâm »...

Con lên lãnh bằng danh dự với một tấm áo vải dù rộng mênh mông và « sột soạt » vì con chưa dám giặt, sợ nó bay mất cái nước đen láng rất đẹp ấy !

. . . Năm năm lặng lẽ trôi qua trong thiếu thốn vật chất, nhưng tình thương, hạnh phúc vẫn có thừa. Vốn liếng học thức của con đã tạm đủ để đi dạy từ ngoài giờ học. Mẹ ơi ! Con nhớ mãi cái ngày đầu tiên con tám ra tiền được ấy. Thật là sung sướng, thời đó con không quá mười lăm tuổi. Con định sẽ dành cho Mẹ một điều ngạc nhiên ngoài sức tưởng tượng, nên con vẫn giữ bí mật suốt năm tháng trường, trong khi đi kèm trẻ em cho một tư gia ở trên phố. Một bầy năm em bé đủ cỡ về tuổi và về lớp học được giao cho con « kèm ». Đứa bé nhất tên là Thu, được cưng nhất nhà cho nên mỗi lần con dạy nó thì cả đại gia-đình từ ông bà cha mẹ cho đến kẻ ăn người ở đều xúm lại coi, mà con vẫn thường gọi đùa với các bạn là cả một « hội đồng trị sự » Bà ngoại của em bé lẫn lộn quá sức (vì đã hơn tám mươi tuổi rồi) một hôm mon men đến bàn học con đang dạy cho em để trao một đồng xu rỉ không hiểu bà cụ nhặt được ở đâu, và bảo đi mua kẹo thưởng cho cháu. Những chuyện vui ấy con đã không kể với Mẹ được vì con cố giữ kín để dành một sự ngạc nhiên đấy !

Có lẽ vì bị quá sức nên con đã lên cơn sốt, hình như cũng lại vào một mùa đông. Mẹ tận tụy săn sóc và thành khẩn cầu nguyện, bao nhiêu tâm lực đều đổ dồn vào con. Những đêm không ngủ, những buổi ăn kém ngon vì lo lắng khiến Mẹ

gầy sút hẳn và tóc bạc thêm nhiều. Con tự nghĩ đã đúng lúc đem lại sự ngạc nhiên ấy: chắc hẳn Mẹ sẽ vui sướng trước sự tiến bộ mới mẻ của con, và Mẹ sẽ bớt già. Nghĩ như thế rồi con dâng Mẹ cả món tiền đầu tiên con dành dụm được. vừa kể cho Mẹ nghe con đã đi dạy tư. Mẹ ôm lấy đầu con trong đôi tay run run vì cảm động. Mẹ khóc. Con lại hối hận quá. Tại sao, con lại cứ bị làm Mẹ phiền lòng trong khi lòng con thì thật quá xa với ý muốn ấy? Con nhớ mãi lời Mẹ nói nghẹn ngào: «Con tôi mới mười lăm tuổi đầu... Chao ôi! Con người ta...

Không, mẹ ơi! Con chỉ muốn làm con của Mẹ, con kiêu hãnh được là con của Mẹ!

Mẹ vẫn thường dạy con trí tuệ phải đi đôi với tâm hồn, con xin ghi nhớ lời vàng ngọc ấy. Nếu không bao giờ con còn tìm lại được những nguồn vui đạm bạc đơn sơ nhưng vô cùng trong sáng của thuở ấu thời, ít ra con sẽ không để tâm xao động vì những ước vọng xa hoa. «Tăng gia sự hiểu biết làm chi, khi mà tâm hồn ngày một thêm xa chân tánh! Mẹ dạy thế, và đến nay con có thể tự hào con đã hiểu và hành được đôi phần những gì Mẹ thường khuyên bảo. Con hiểu rằng trí tuệ suông chưa đủ để đem lại hạnh phúc cho mình và cho người.

Thưa Mẹ! Mẹ vẫn hằng ước nguyện có đủ khả năng vật chất nâng đỡ những kẻ nghèo hiếu học và có một tâm hồn cao cả và chính đáng thay ước nguyện ấy! Con nguyền đem hết trí năng thực hiện hoài bão cao quý của Mẹ, hầu mong đền đáp tình thương trong muôn một như Phật và Bồ tát sẽ theo dõi con, dìu dắt con để con khỏi lầm đường lạc nẻo.

Thư đã quá dài rồi, có lẽ Mẹ đã mỏi mắt. Con sẽ kể lại cho Mẹ nghe những chuyện vui trong kỳ thi sau khi có kết quả nhất định; chắc Mẹ sẽ hài lòng lắm. Bây giờ thì hẳn Mẹ đang niệm Phật cầu nguyện cho con, và con cũng thế nữa.

Mẹ cho phép con hôn lên mái tóc bạc rất đẹp của Mẹ và gởi dâng Mẹ theo đây cả một trời thương.

Con,

TÂM HỶ

Sài-gòn, 30-10-58

(Trước ngày vào vấn đáp)

ĂN CHAY

của Bác-sĩ ĐÀO-TUẤN-KIỆT
giảng tại trụ-sở Tỉnh-Hội Phật-Giáo Bình-Định

VẤN đề « ăn chay » rất quan trọng vì nó có ảnh hưởng rất nhiều tới đời sống của con người. Ăn chay có lợi cho sức khỏe, ít tốn tiền và tránh cho người khỏi tội sát sanh là một tội trọng đối với tín-đồ Phật-Giáo.

I.— Người ăn chay được mạnh khỏe, làm việc dẻo dai và sống lâu vì ít bịnh hoạn.

Trước hết, theo khoa giải phẫu so sánh (Anatomie comparée) nhà bác học Cuvier cho biết rằng: loài người (và giống khỉ) ăn thịt không hạp; trái lại là loại ăn hột và hoa quả. Xin xem bản so-sánh dưới đây:

Thú ăn cỏ	Răng thớt	Bao tử to (panse)	Ruột dài từ 10 th tới 14 th.
Thú ăn thịt	Răng nhọn và răng nanh	Bao tử nhỏ và nhiều acid	Ruột ngắn từ 2th5 tới 4 th.
Người và khỉ	Răng nhỏ	Bao tử nhỏ và ít acid	Ruột vừa từ 7 th 5 tới 10 th.

Thịt, cá là món ăn rất độc; ở xứ nóng thịt, cá bắt đầu sình, thúi ba giờ đồng hồ sau khi con thú bị giết. Ăn thịt hư có thể nguy đến tánh mạng; bịnh trúng độc đó gọi là botulisme thường xảy ra sau khi người ăn thịt cá để lâu ngày (conserves).

Thịt, cá sau khi tiêu hóa, phát sanh ra nhiều chất độc (leucomaines-ptomaines) bắt buộc lá gan (có phận sự khử độc trong thân thể con người) phải làm việc quá phiền; vì thế nên người ăn thịt cá và trứng nhiều thường bị đau gan. Bác-sĩ Giáo-sư Huchard cho rằng 9 phần 10 những bệnh của bộ phận tiêu hóa (appareil digestif) và bệnh trái tim đều do ăn thịt cá mà ra.

Huyết áp lực (tension artérielle) của người ăn thịt rất cao; trái lại người ăn chay được huyết áp lực trung bình. Bác-sĩ Saile có đo huyết áp

lực của các nhà Tu-sĩ ăn chay trường (giòng Trappistes, giòng Carmes và Chartreux) và thấy họ có số bình thường là 13. Trái lại khi đo huyết áp lực của các vị Tu-sĩ ăn mặn thì ông thấy số đó vọt lên rất cao tới 16 hay 17 và hơn.

Bịnh huyết áp lực cao (hypertension artérielle) rất khó trị và rất nguy hiểm ; thường thường bịnh nhơn hay chết bất đắc kỳ tử hay là bị bán thân bất tại (hémiplégie) nếu không chết lập tức, lúc bể mạch máu màn óc.

Người ăn chay ít khi bị nhọt, ghẻ và nếu rủi bị thương thì vết thương (hay là mỗ xẻ) rất chóng lành. Da mặt của họ lại mịn màn hơn người ăn thịt.

Bộ phận tiêu hóa của người ăn chay ít vi trùng. Một ly khối (cm^3) phân của người ăn chay chỉ có 2.250 con vi-trùng ; trái lại phân của người ăn mặn có tới 67.000 con vi trùng. Lúc nào gặp dịp thì chúng nó ứng lên tàn phá cơ-thể, như khi người ta bị bịnh bón, táo (constipation) thì con vi trùng colibacilles tràn vô máu sanh ra nhiều bịnh nguy hiểm như bịnh sưng ruột thừa (appendicite), bịnh sưng tử cung (métrite) bịnh buồn trứng làm mũ (salpingo-ovarites) và bịnh sưng thận (pyélo-néphrite) vân vân...

Người ăn thịt nhiều thường bị bệnh thống phong (goutte, arthritisme) ví dụ như các vua chúa nước Pháp ngày xưa nhứt là vua Louis thứ 18 bị bịnh nặng đến đỗi phải mang béquilles mới đi được.

Một người mạnh khỏe phải cần một số đồ ăn (khẩu phần trong 24 giờ) tương đương với số 3.000 đơn vị nhiệt lượng (calories) mới đủ sức sống và làm việc hằng ngày. Người ít hoạt động chỉ dùng 2.500 calories, còn người làm việc nặng nhọc phải cần tới 3.500 hay 4.000 calories mới đủ bồi bổ sức khỏe.

Đồ ăn phải có đủ ba chất căn bản : chất ty bạch (albumine) 70 cà-ram trong 24 giờ ; chất mỡ 70 cà ram và chất ngọt (hydrate de carbone) đường bột 500 cà ram.

Xin xem bản dưới đây :

Khẩu phần của một người trong 24 giờ

Albumine (ty bạch)	*70 cà ram*	=	*380 calories*
Graisse (dầu, mỡ)	*70 cà ram*	=	*520 —*
Hydrate de carbone	*500 cà ram*	=	*2100 —*
(chất ngọt)			*3000 calories*
Sels minéraux (khoáng chất): CaO, FeO, Mg, Mn, Na, K...			
Vitamines (sinh tố) : A, B, C, D, E, PP, ... v. v. ...			

Chất ty-bạch (thịt, cá, trứng, sữa) chỉ cần rất ít (70 cà ram) để bồi bổ những tế bào hao mòn mỗi ngày. Thế mà người ta quá lạm dụng ăn

mỗi ngày cả kilô (1000 cà ram) thì số thịt cá dư dùng đó sẽ tan ra thành nhiều chất độc créatine, créatinine, urée) trong máu phải sanh nhiều bệnh tật. Trái lại chất ngọt (đường, bột, ngũ cốc, trái cây) phải cần tới 500 cà ram mỗi ngày vì các thớ thịt của người cần dùng rất nhiều chất đường (glycogène) mới hoạt động được.

Vài thí dụ dưới đây sẽ chứng minh cho lời nói trên :

I.— Hai bác-sĩ Atwater và Bendict thí nghiệm cách này :

Một con chó cân nặng 17 kilô, phải kéo một chiếc xe chạy vòng quanh trong sân suốt 5 ngày. Mỗi ngày ngoài số đồ ăn 500 cà ram, nó còn được ăn trội hơn **5 ngày đầu** mỗi ngày 700 cà ram **thịt**, sau 5 ngày đó, nó không lên cân.

5 ngày sau, mỗi ngày 100 cà ram **mỡ**, sau 5 ngày kế đó, nó cân lên được 10 cà-ram.

5 ngày chót, mỗi ngày 200 cà ram **đường**, sau 5 ngày cuối cùng, nó lên được hơn 270 cà ram.

Chúng ta thấy rõ ràng là chất ngọt rất cần yếu cho sự hoạt động hằng ngày.

2.— Giáo sư Lefèbre có nhờ một thanh niên đưa đường lên chơi một đỉnh núi cao 4000 thước. Người nầy độ 30 tuổi ăn nhiều thịt là một người dẫn đường chuyên môn. Suốt ngày trèo núi tới đêm mới về đến nhà, thì anh chàng thanh niên lê lết rất mệt nhọc, nằm liệt trong 7 ngày. Trái lại giáo sư đã 55 tuổi, và nhờ ăn chay nên về nhà ngủ một đêm ngon lành, tới sáng ra thì đi làm việc như thường lệ.

3.— Nhà vô-địch Karl Mann chạy bộ từ Berlin tới Dresde đường dài ngót 200 cây số chỉ mất 22 giờ đồng hồ, là người ăn chay trường.

4.— Năm 1957, tại vận động trường Melbourne (Australie) một lực sĩ ăn chay trường lãnh được 2 mề-đay vàng (xem báo Liên-Hoa số 2 năm 1958).

5.— Tôi có dịp tiếp xúc với hàng trăm người ở Nam-bộ ; họ ăn chay trường mà vẫn khỏe mạnh và làm việc vất vả, nặng nhọc như thợ mộc, thợ nề, phần đông làm ruộng, rẫy.

6.— Như tôi đã nói trên, các tu sĩ Trappistes, giòng Carmes và Chartreux làm việc đồng áng nhọc nhằn ở xứ Pháp lạnh lẽo mà họ vẫn ăn chay trường và vẫn khỏe mạnh.

Rau, cải, khoai, ngũ cốc, hoa quả cũng có đủ chất bổ để nuôi sống con người. Nó có chất ty bạch như thịt, cá (1 kilô đậu phụ có 236 cà-ram chất ty bạch) ; những chất dầu lại ngon, thơm và có nhiều sinh tố hơn mỡ. Rau cải có nhiều chất cellulose để tránh cho người khỏi bịnh bón, táo (rất tai hại). Ngoài ra nó có rất nhiều khoáng chất, như chất vôi chất sắt

rất quan hệ để sản xuất hồng huyết cầu. Vì thế ai bão ăn chay sẽ mất máu, mặt mày xanh xao, là nói sai. Bằng cớ là nhiều người ăn chay trường da mặt hồng hào và béo tốt. Xin xem bản dưới đây:

1 kilô gạo	*0,gr150*	*chất sắt*
1 — đậu nành có	*0, 600*	—
1 — thịt bò có	*0, 050*	—
1 — cá có	*0, 040*	—
1 — trứng gà có	*0, 160*	—
1 — rau dền (épinard, cresson) có	*0, 680*	—
1 — sữa bò có	*0, 003*	—

So sánh thì người ta thấy rõ rằng thịt cá ít chất sắt hơn rau cãi và những đứa trẻ nuôi toàn sữa bò thì mặt nó trắng dợt vì thiếu máu, (1 kilô sữa bò chỉ có 0,003 ly cà ram chất sắt).

Rau cãi lại có rất nhiều sinh tố. Ngày xưa, những người đi biển lâu ngày chỉ ăn thịt cá hằng tháng đều mắc bệnh thiếu sinh tố (avitaminoses) rất hiểm nghèo và phần nhiều thiệt mạng vì không ăn được rau cãi.

II.— Ăn chay có lợi về tài chánh rất quan trọng.

Như trên đã nói, mỗi người mỗi ngày phải cần dùng một số đồ ăn tương đương với số 3000 calories nghĩa là 2 kilô 500 thịt, hoặc là 3kilô cá, hoặc là 1 kilô gạo, hoặc là 1 kilô đậu, 2 kilô rau cãi, khoai. Theo vật giá hiện thời phải 170$ thịt, 120$ cá, 150$ gà; trái lại chỉ có 7$ gạo và rau, cãi, khoai, chỉ mất chừng 10$ tới 20$. Như vậy đối với một gia đình ăn chay hẳn rất rẽ tiền, không ai chối cãi được.

Xin xem bản dưới đây:

1 kilô thịt bò cho	*1330*	*calories*
1 — cá	*798*	—
1 — thịt gà	*1609*	—
1 — thịt heo	*1342*	—
1 — gạo	*3437*	—
1 — đậu nành	*3173*	—

Phóng đại ra, nếu cả xứ mà dân chúng đều ăn chay thì dân sẽ giàu nước sẽ mạnh, nền kinh tế trong xứ sẽ được thịnh vượng biết bao nhiêu. Vì số người chăn nuôi súc vật, những người làm lò thịt, và những dân chài lưới sẽ xoay qua nghề trồng tỉa, ruộng cây kỹ nghệ rất có lợi cho xứ sở. Miền Đồng tháp và đồng Cà-mâu ở Nam-bộ còn có thể nuôi sống 4 triệu dân Việt-Nam nếu được khai thác hoàn toàn.

Nền kinh tế dồi dào sẽ tránh nạn chiến tranh vì ai cũng thừa biết rằng chiến tranh trong thời kỳ văn minh nầy do khủng hoảng kinh-tế gây ra.

III. — Ăn chay có lợi về tinh thần và đạo đức rộng lớn vô biên.

Sát sanh là một giới cấm đứng đầu trong ngũ giới của nhà Phật. Vì lòng từ-bi vô tận nên Phật cấm sát-sanh. Trong một tiền kiếp của Phật, một ngày kia Phật đi ngang qua một khu rừng khô-khan cho đến đỗi các thú vật phần nhiều chết đói. Có một con cọp cái đói quá định ăn thịt hai con của nó. Phật động lòng thương mới nhào đến cho nó ăn thịt để nó khỏi giết con nó.

Chúng ta không thể làm nổi như việc Phật đã làm nhưng ít ra chúng ta cũng phải nới rộng lòng thương để tha mạng cho thú vật. Vì lẽ « tất cả chúng sanh đều có Phật tánh » nên ta không có quyền cắt đứt con đường tiến hóa của chúng nó. Lại nữa chúng nó cũng có tình cảm, cũng ham sống sợ chết như ta, thì ta nỡ lòng nào giết nó mà ăn thịt cho đành. Tôi xin kể sơ vài thí dụ :

— Giống chim cuốc luôn luôn bay có cặp. Khi một con bị bắt thì con kia bay theo kêu la thảm thiết lăn nhào dưới đất cho tới lúc con kia được thả ra mới thôi ; thường thường là chúng bị bắt cả đôi.

— Một đôi bò ở chung một chuồng, khi một con bị giết thịt thì con kia buồn rầu bỏ ăn tới chết.

— Năm 1957, lúc tháng 5 ta, nhà tôi ở nhà quê có đám kỵ cơm. Tất cả bà con anh em chúng tôi đều có mặt đông đủ. Chúng tôi đang ngồi nói chuyện, thì bất thình lình tôi nghe có tiếng sột sạt dưới chân. Tôi ngó xuống thì thấy một con gà lôi thật to gục đầu giữa hai đầu gối tôi. Chúng tôi rất ngạc nhiên, vì từ nào đến giờ nó chưa hề bước chân vào nhà. Trong lúc mọi người đều ngơ ngác thì ngoài cửa có anh hàng thịt đến xin bắt con gà lôi vì em tôi nó đã dặn từ hôm trước, để đút lò đãi khách. Cố nhiên, con gà lôi khỏi bị giết. Việc này hết sức quái lạ. Ta không khỏi tự hỏi tại sao, giữa đám đông người, con gà đó biết chỉ có một mình tôi là người ăn chay trường và chỉ có một mình tôi mới cứu mạng nó được mà thôi ?.

Người Âu-tây có một khối óc mâu-thuẫn lạ lùng. Họ lập ra hội « bảo vệ thú vật » luật phạt tù người nào đánh-đập, hành hạ thú vật. Họ có nghĩa-địa để chôn thú vật và có cả đám ma và mộ bia thú vật, trong khi mỗi ngày họ sát hại giết thịt hằng triệu súc vật.

Nhà đại thi-hào Lamartine, khi còn bé độ lên 10 tuổi, một hôm nhờ bà mẹ dắt xem lò thịt và được mục kích thú vật bị giết tay chân rung rẩy, mắt trợn giọc, ở cổ, máu ra có vòi rồi chảy đỏ cả đường mương như giòng suối. Cảnh rùng rợn đó in sâu vào tâm não ông và từ đó ông không dám ăn thịt cá nữa. Trong một đoạn của bài thi « La chute d'un ange » ông đã lên án gắt gao cử chỉ bạo tàn

của loài người, chẳng những đối xử tồi tệ với thú vật mà lần lần vì thói quen người lại giết người không gớm tay. Chiến tranh dầy đầy tội ác, là một cái nhục hết sức lớn làm giảm bớt giá trị của nhân loại rất nhiều.

Người ăn chay, trái lại, tâm tánh hiền lành và một dân tộc ăn chay cố nhiên là ham chuộng hòa bình vậy.

IV. — Ăn chay cách nào cho khỏi hại ?

Đến đây quí ngài đã nhận rõ ăn chay rất có nhiều lợi về thể xác lẫn tinh-thần. Thế là đã đánh tan sự hiểu lầm của người đời cho rằng ăn chay sẽ mất sức và sanh bệnh.

Tuy nhiên, ăn chay cũng như ăn mặn, phải ăn uống cho đúng cách và có vệ sinh mới tránh được bệnh hoạn.

Ăn uống phải có điều độ. Ăn vừa no, vì ăn nhiều quá rất mệt dạ-dày, ăn chậm và nhai thật kỹ thì đồ ăn dễ tiêu. Tùy sức làm việc nhiều, ít phải ăn cho đủ sống nghĩa là số đồ ăn trong 24 giờ phải đem cho cơ thể số nhiệt lượng từ 2.500 calories tới 4.000 calories.

Những người nhàn rỗi hay làm việc tại văn-phòng phải ăn ít hơn người làm việc nặng nhọc.

Rau cải nên hấp vì hấp nó còn nguyên chất bổ, trái lại nếu luột chín rồi bỏ nước đi thì các khoáng chất tiêu tan theo nước hết (trừ ra rau dền épinard thì phải luột). Cà chua chín (tomate) phải bỏ vỏ vì vỏ cà chua và nước luột rau dền có rất nhiều chất oxalate có thể sanh ra đá calcul).

Khoai lang tây luột phải để luôn cả vỏ. Nên ăn đậu, cresson và épinard vì nó có nhiều chất sắt rất bổ máu.

Trái cây mật ong, mạch nha chứa đựng chất đường thiên nhiên rất hạp với cơ thể. Cam, bưởi có nhiều sinh tố C, dừa, hạnh nhơn, đậu phụng có nhiều sinh tố A và D. Ăn gạo lức còn cám vì 1 kilo gạo lức có 100 ly cà ram sinh tố B1. Vì thế nên ăn gạo chà máy lâu ngày sẽ bị bịnh thũng tê bại (Béribéri).

Cử ăn dầu chiên, xào. Nên ăn dầu sống rất bổ (trộn salade) vì dầu chiên rất nóng làm gắt cổ và đau dạ dày. Cử ăn dấm và ăn nó nhiều bị lạt huyết để thay thế nó có chanh, khế và me. Cử ăn chocolat, đường trắng. Nên dùng đường đen vì nó còn nguyên chất. Cử cà fé vì một ly cà fé có tới 15 phân cà-ram chất caféine uống nhiều rất độc. Trà cũng vậy vì nó có chất théine tương tợ như caféine.

Nên uống nước lã, lọc kỹ (không có vi-trùng) vì nó còn đủ dưỡng khí và khoáng chất. Trừ ra những lúc ở địa-phương có bịnh dịch (dịch tả, kiết ly, ban cua, thương hàn) thì phải dùng nước nấu sôi.

Triệt để cử rượu và thuốc lá, hai chất độc rất nguy hiểm đến tánh mạng.

Rượu : *Rượu là chất độc rất nóng. Bière (5 chữ)*
Rượu chát đỏ (9 chữ), rượu chát trắng (11°)
Rượu khai vị (18°), pernod (40°), cognac (50°)
Rhum (60°)

Rượu làm phỏng bao tử, sưng lá gan. Dạ dày của người nghiện rượu sưng, phồng lên, đỏ như son, trước ra nước dãi rất nhiều khiến người nghiện rượu hay ụa ra nhớt mỗi buổi sáng. Đồ ăn khó tiêu hóa được và muốn cho đồ ăn dễ tiêu, họ phải uống rượu thêm, rượu lại làm sưng bao tử thành ra vòng lẩn quẩn ; rốt cuộc họ không ăn uống gì được, thân thể càng ngày càng yếu lần, rất dễ sanh bịnh và chết. Họ bị nhiều bệnh nguy hiểm như là sưng dạ dày, sưng gan, dòn mạch máu, sưng ruột, bịnh trĩ, tê bại, bịnh lao, bịnh kinh phong và cuối cùng là bịnh điên (delirum tremens).

Bệnh lao và rượu : Rượu làm hại cơ thể bằng cách trực tiếp là phá hoại các tạng phũ và bằng cách gián tiếp là làm cho cơ thể suy nhược rồi vi-trùng bịnh thừa cơ mà tấn công bịnh nhơn như bịnh lao. Vì thế, nên muốn bài lao có hiệu quả, trước hết phải bài rượu đã.

Bác-Sĩ Lavarenne đã tìm thấy rằng 60% người mắc bệnh lao là nghiện rượu.

Một lối ngụy biện cho rằng uống rượu làm việc khỏe hơn. Sự thật là khác hẳn. Trong một xưởng ở Anh-quốc người ta có thí nghiệm như vầy : Hai nhóm thợ, một nhóm mỗi người uống mỗi ngày 2 lít rượu chát (vin), một nhóm không uống rượu. Ngày đầu tiên, nhóm uống rượu làm việc rất hăng hái. Nhưng tới ngày thứ ba, sức làm việc giảm lần, tới ngày thứ năm, thì kết quả chỉ còn 150 phần trăm. Trái lại, nhóm thợ kia cứ làm việc bình thường không thay đổi.

Người uống rượu làm việc rất mau mệt và phản ứng rất chậm chạp nhứt là nghề tài-xế là hay bị rủi ro, tai nạn.

Các tôn giáo đều triệt để cấm rượu làm mờ mịt trí-hóa là một trở ngại lớn lao trong sự tu hành.

Người Tây-Tạng thường kể ra một chuyện tiếu lâm rất ngụ ý như vầy :

Ngày kia một ông thầy tu đi lạt vào giữa sa-mạc gặp một vị hung thần đòi giết ông ta. Thấy ông ta năn nỉ quá, vị hung thần bằng lòng tha ông với một điều kiện là phải chọn một trong 3 món : uống một bầu rượu, ưng lấy cô gái đẹp hay là ăn thịt con chiên.

Ông thầy tu suy nghĩ rằng mình là người tu hành không được sát sanh và dâm dục, chỉ còn cách dễ nhứt là uống rượu. Ông bèn uống hết bầu rượu, một lúc sau tinh thần phấn khởi ông liếc nhìn cô gái đẹp không thể dằn lòng được. Ông lấy cô gái đó và muốn đãi người yêu một tiệc xứng đáng ông giết thịt con chiên.

Rượu làm cho ông ta mất lý-trí, ông không dè nén được dục-vọng, nên gây ra biết bao nhiêu tội ác.

Rượu chẳng những giết chết người nghiện rượu mà thôi, nó còn làm hại tới con cháu của họ về sau.

Một người Đức nghiện rượu nặng, tên là Ada Jurke có 701 con và cháu. Bác-Sĩ Pellmann, 75 năm sau, tìm lại được 690 người trong đó có :

106 đứa con hoang
142 đứa con ăn mày
64 đứa điên
81 gái điếm
75 đứa ở tù (7 đứa sát nhơn)

Bác-Sĩ Legrain (Pháp) có theo giõi 814 đứa con của những người nghiện rượu và thấy :

42% đứa nghiện rượu
61% đứa ngu, đần
14% đứa điên
17% đứa bị bịnh kinh phong
21,5% đứa bị chết trong bụng mẹ

Phần đông những đứa con của người nghiện rượu đều là những đứa có tánh xấu, dâm ác, trộm cướp và ngu xuẩn.

Tóm tắt, rượu có thể tiêu diệt nòi giống con người rất dễ dàng.

Riêng nước Pháp mỗi năm tiêu thụ tới 107 triệu lít rượu mạnh, cố nhiên cái tai hại không nhỏ vậy.

Thuốc lá : Thuốc lá rất độc vì chất nicotine.

Tùy theo giống thuốc lá chất nicotine có từ 2 phần trăm tới 18 phần trăm.

Thuốc lá sanh bịnh loét bao tử (ulcère de l'estomac), bịnh dòn mạch máu trái tim (angine de poitrine), huyết áp cao (hypertension), bịnh suyễn tim (asthme cardiaque) và bịnh ung thư phổi (cancer du poumon). Nó làm cho người bị hoa mắt, tim nhảy rất mau và xoàng điều. Người hút thuốc hay khạt nhổ và do đó dễ truyền nhiễm bịnh cho kẻ khác.

Ngoài ra, thuốc lá còn làm cho trí óc hay lãng, quên.

Các văn sĩ thường lầm to rằng thuốc lá giúp suy nghĩ nhiều hơn và tư tưởng họ được phong phú. Họ lầm, vì thuốc lá làm cho họ mơ-mộng ; tưởng tượng hoang đàng (« Ce sont des rêveries mais non des pensées véritables » Victor Hugo).

Đối với người tu, nghiện thuốc lá là một sự ràng buộc với vật chất một xa xỉ và một trở ngại trong việc tu hành (mùi thuốc rất trượt).

Mặc dầu tai hại, số thuốc lá tiêu thụ càng ngày càng tăng thêm lên, vì phụ-nữ ngày nay yêu chuộng tự do cũng hút thuốc lá như nam giới. Cả hoàn cầu mỗi năm tiêu thụ một số thuốc lá khổng lồ là 2.500 triệu kilô.

KẾT LUẬN

Để kết luận buổi nói chuyện hôm nay, tôi xin nhắc lại một lời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni :

« Được sanh làm người rất khó » nghĩa là kiếp con người rất quí báu. Thế mà con người bị màng vô minh che khuất trí tuệ nên cả muôn đời gây ra biết bao nhiêu tội ác, tạo thành nghiệp chướng phải lặn hụp thê thảm trong biển khổ luân hồi. Không lo giải thoát thật là rất uổng một kiếp làm người.

Tuy nhiên, ăn chay chưa phải là tu ; nhưng ăn chay giúp cho chúng ta nhiều điều kiện cần yếu trong việc tu hành như là sức khoẻ, sự thanh tịnh, tránh tội sát sanh và kềm hãm dục vọng của chúng ta.

Nếu chúng ta có đủ chí cương quyết để mạnh dạng tiến lên trên con đường Đạo, thì một ngày kia cảnh Niết-Bàn đối với chúng ta không xa vậy...

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

NHÀ KINH PHẬT

LIỄU-QUÁN

4-B, PHAN-BỘI-CHÂU, 4-B

HUẾ

Có để thỉnh hằng ngày trừ Chủ-nhật :

Buổi mai từ : 8 giờ đến 12 giờ

Buổi chiều từ : 15 giờ đến 19 giờ.

Kinh, Luật, Luận Phật-Giáo bằng Việt và Hán-Văn, tranh, ảnh, tượng Phật đề đeo và đề thờ

Pháp-khí :

Chuông, mõ, chuỗi lần, cờ Phật-Giáo vải và giấy

Nguyệt-san Phật-Giáo :

LIÊN-HOA, TỪ-QUANG, PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

PHÒNG 159

PHÒNG 159 là một phòng ở bịnh viện Raphael.

Trong phòng có bốn bệnh nhân : ông cụ Herding, ông Lohren, anh Homann và cậu Tautz.

Những hôm đầu, đây là phòng ồn ào nhất. Toàn những bệnh nhân đợi ngày mổ đang bó bột hay tĩnh dưỡng. Thế nên ăn xong thì ngủ, ngủ chán thì nói, và thứ thường nói với nhau cho đến cải chẳng xa là bao.

Tôi nhất có ông Herding, đau đã hai mươi ba năm dằm dề. Chiến tranh thứ nhất ông cụ đi lính, vô tình hay hữu ý dạn xuyên rất nhiều, cái kỷ-niệm lưu lại là từ đó ông cụ tắt tiếng, không còn nói được nữa. Đại chiến thứ hai lấy mất chân trái. Chả hiểu ông cụ có nghĩ nếu có chiến tranh thứ ba thì sẽ phải hiến gì thêm làm quà. Tiếng nói độc nhất của ông cụ bây giờ là những tiếng ờ... ờ... ờ xô!... xô!..., hay... da... da...da..., (1) rất ngây thơ trên bộ mặt luôn cười và hồn nhiên. Cho đến cả những khi đau ông cụ vẫn cười. Tôi lấy làm lạ mãi về đức tự tại rất vô tư trên mọi nỗi khổ đau của thân xác ông cụ. Thật đáng chiêm ngưỡng ! Suốt ngày không đọc báo, chỉ độc hút thuốc xì gà và gọi xin thuốc trừ đau. Hút thuốc chán thì lại ngủ. Phải thấy một lần rồi mới biết cái tâm hồn ấy hoặc đã chai sạn với mọi khổ đau, hoặc vô tư như một đứa trẻ. Sáu mươi tuổi đầu, nằm queo như trẻ nít, ngủ hiền đến dễ yêu.

Cạnh giường ông cụ là giường Tautz, một thiếu niên mười sáu tuổi. Chỉ nói lúc có người vào phòng, còn thì chú vào sách đọc. Sách đọc độc có trinh thám, thỉnh thoảng một quyển ái tình. Tôi đã lấy đi bao nhiêu lần những cuốn nhảm nhí, song dưới nệm của cậu ta lúc nào cũng hiện dãy lại sách. Sự thích thú nhất của cậu là được xem mấy đoạn gay cấn ly kỳ của những đoàn kỵ mã « giữ bò » bắn giết hay những chiếc hôn rất lảng mạn ở rừng sâu. Truyện mà không có bắn súng lục, không có người chết thì không cừ, thà ngủ còn hơn đọc. Tôi không hiểu vì bị long não do một tai nạn xe hơi sinh ra thế hay vì tính nó thế.

---

(1) XÔ : tiếng Đức viết là So ! có nghĩa như : thế à !
Da ; Ya có nghĩa là dạ, vâng, ừ.

Đối lại với hai bệnh nhân lầm lì này, có ông Lohren và anh Homann chẳng bao giờ muốn cho căn phòng trở nên yên lặng đìu hiu. Họ phá sự yên lặng bằng những tiếng cười, câu nói hay cải vã. Lúc nào họ cũng có chuyện để luận đàm. Đọc một tin vặt ở báo, họ có ngay dịp tán ra, phóng đại và cười cợt. Có lần báo đăng một tai nạn ở Tây-ban-Nha làm họ cười suốt tuần, và khơi đầu cho bao nhiêu chuyện khác. Kể cũng bi ai mà cũng buồn cười: «Có chiếc xe chở hàng, chở mớ hòm đóng sẵn đến một tỉnh, dọc đường có người xin «quá giang», một lúc thì trời đổ mưa nên anh ta vội chun vào hòm ẩn, đi một quảng lại có khách xin «quá giang»; trời nắng lên dần. Nóng. Ông khách ở trong hòm mới đẩy nắp chun ra, anh chàng mới đến sau giật nẩy mình kinh sợ nhảy xuống đường lúc xe đang vút nhanh và chết». Nhân chuyện ấy, hai bệnh nhân có dịp nói đến cái chết, chết thê, chết thảm, chết oan, chết hòa-bình, từ chết cá nhân đến chết đoàn thể. Rồi nhắc đến cái chết của em bé Anne Frank qua cuốn nhật ký của em để lại (2), để nói hằng triệu người Do-Thái bị tàn sát dưới chính thể Hitler. Tuy thế ông Lohren bao giờ cũng bênh vực Hitler, ông bảo Hitler là một anh hùng, một người rất tốt, song những người chung quanh, bộ hạ xấu nên làm sai lạc hết mọi công việc. Hitler đã đem lại rất nhiều tăm tiếng, hùng cường cho Đức quốc một thời. Anh Homann không cho thế là phải, anh bảo Hitler độc ác, Hitler loạn não, làm chính trị độc tài, nước Đức bây giờ bị chia cắt, tàn phá, kiệt quệ cũng vì Hitler v.v... Song anh không có đủ lý luận để ông Lohren chịu nhận hay vì tự ái, tự mãn nên ông Lohren cứ giữ chân mình trong đất mình đứng.

Nằm bệnh viện mà cải nhau vẫn để ấy thật cũng không thể trách được. Là lúc nghỉ ngơi, dưỡng bệnh thì phí thì giờ cho mấy đề tài củ rích có là sao. Chứ thực ra nghỉ cũng hơi tốn cơm, tốn sức để cải. Cái ông Hitler nọ mà bảo rằng tốt, duy tại bộ hạ xấu nên hỏng sự thì thật điên rồ; cầm vận mệnh một xứ sở, không biết dùng người thà đi về cuốc đất học cày cho xong. Ông ta ngẫm nghĩ một mình chút ý thích rồi đem áp dụng vào đời không dẫn đo, để phải hy sinh hằng triệu con người. Công cán gì cho đời. Ích lợi gì cho đời! Nếu không chỉ vì một chút hư danh và một chút mãu mặt của bản thân, nếu không là loạn não. Nhân loại vốn chẳng cần sự tốt đẹp của mai sau khi họ bị dâm dề trong cơ cực ở hiện tại họ cần sự tốt đẹp cho ngay bây giờ, cho ngay đời họ, chỉ việc cho họ yên ổn trong hòa-bình để họ thực hiện. Khích lệ bằng cái mồi ở tương lai để dánh lừa họ quên hiện tại cho viên mãn ý thích,

(2) Das Tagebuch der Anne Frank (Nhật ký của Anne Frank). Cuốn này do em bé Anne Frank ghi lúc 12 tuổi, tả những ngày rùng rợn lo sợ của cả gia đình em ẩn kín trong tầng thượng một khu nhà ở Kinh thành Amsterdam (Hòa-Lan), sau 2 năm chui rúc như ở tổ chuột, không hề được cất 1 bước ra đường, bị lính Đức-Quốc xã khám phá rồi đưa đi trại tập trung. Ở đó cả gia đình chết, chỉ còn sống người cha. Sau này ông tìm lại được bản thảo — viết bằng tiếng Hòa-lan — ở gian nhà cũ và đem xuất bản. Sách hiện nay được dịch ra tất cả các thứ tiếng ở Âu-châu và gây nên một sự xúc cảm mãnh liệt ở mọi tầng lớp người đọc.

mẫu mặt của mình. Thế mà vẫn có người bênh vực được cho ông Hitler ! Anh Homann trách và đổ tội cho ông ta là phải.

Song còn phải trách cả cái đám người thời bấy giờ nữa mới đúng. Cái tội nhắm mắt theo càn, cuồng ngông, tự đại thật là một tính xấu của loài người.

Ông Lohren là một tài xế, xưa là võ sĩ đã nhiều lần ra đấu trường, và kỳ đại chiến thứ hai trấn dưới cờ Đức Quốc Xã trên mọi mặt trận Âu và Trung Đông. Bây giờ ông bị bệnh ruột, chờ ngày mổ. Rất sẵn sàng nếu phải cầm lại súng.

Anh Homann, một tín đồ trung thành của đạo Thiên-Chúa. Anh cũng bị bệnh ruột chờ ngày mổ. Anh tin ở đạo anh và tin thế giới phải chịu phép rửa tội và tin vào Thượng đế mới mong được cứu chuộc.

* * *

Đã hai hôm, phòng 159 rất tịnh vì ông Lohren và anh Homann vừa mổ xong. Họ nằm mê mệt. Mạch cao và sốt. Yếu như sự vắng bóng của tinh thần. Yên lặng vì chưa thấy lại thất tình. Thỉnh thoảng rên những dằn vò của thớ tế bào mới đang chuyền nối. Họ còn chờ sự bình phục để ngang dọc lại với mọi tư tưởng đã mang trong đầu.

Phòng 159 và những trăm phòng khác, những nghìn bệnh nhân những triệu con người . . . Những ý nghĩ khác nhau, những sự xung đột của thành kiến. Bây giờ họ nằm đây yên lặng, có khi đến ngoan. Ngày mai họ tung hoành, khổ sở có nhân loại chịu.

Tôi chợt nghĩ mình và mỉm cười, đóng cửa phòng 159 rồi đi nhanh về phòng mổ giúp việc. Sáng nay có rất nhiều bệnh nhân chờ mổ. Tôi thấy những nét mặt âu lo, xanh dét trái lại với những nét mặt đỏ gay, cười nói, la hét ở mấy tửu quán hay bên ngoài dưỡng đường, gửi lòng tin còn e ngại vào những bác-sĩ đang chú tâm cứu bệnh.

Một tia máu ở bụng mổ vọt ra lên một hàng chấm đỏ ối trên áo trắng của người phụ tá bác-sĩ. Có một giây tôi không còn tưởng mình ở phòng mổ vì chút ý nghĩ lẩn quất trong đầu :

Cần có thêm một vị Bồ Tát xuất hiện !

Một vị Bồ Tát ở bất cứ màu da nào cũng được, xứ sở nào cũng được, ở bất cứ đạo giáo nào cũng được. Miễn là một vị Bồ-Tát. Một vị Bồ-Tát dành cho các bệnh nhân lúc rời bệnh viện.

Deutschland, 10-1958

NGUYỄN-THÁI

KÍNH CÁO

Vì bội vở nhiều, nên trong số 12 này, chúng tôi tạm gác mục **TIN-TỨC.** Mong quý độc giả hoan hỷ.

NHÌN PHẬT-GIÁO QUA MẮT KHOA-HỌC

Kỹ-sư UÔNG-TRÍ-BIỀU soạn
LIÊN-HOA dịch

(Tiếp theo)

B. — Công-cụ dùng để nghiên cứu Phật-Giáo

Nhà khoa-học lúc nghiên-cứu một việc gì, rất chú trọng đến công-cụ; họ biết rằng các khí-quan: mắt, tai và thân (thị-giác, thính-giác và xúc-giác) không phân biệt được tinh tế đối với sức mờ tỏ của ánh sáng, sức mau, chậm hay lớn, nhỏ của tiếng vang, độ cao, thấp của sức nóng, độ cứng, mềm của sức rắn, lại còn sự phân biệt của mỗi người khác nhau, không chỗ căn cứ làm tiêu chuẩn, nếu họ đã nghĩ ra các thứ máy móc, như trắc-quang kế (máy đo ánh sáng), ba-động-nghi (máy đo luồng sóng động) âm-xoa (máy đo âm hưởng) ngạnh độ kế (máy đo sức rắn) hàn thử biểu, nhiệt-lượng biểu; đều là mượn sức cảm-thọ của các vật thể để biểu thị số lượng cho khỏi sự sai lầm vì chủ-quan. Ngoài ra như thiên-văn-kính để trắc lượng thượng tầng không khí, hiển-vi kính để xét những sanh vật rất nhỏ mọn, và vô số nghi-khí khác để trắc-lượng những vật mà khí-quan của người ta không thể cảm biết được.

Nhà khoa-học nhờ những máy móc tinh xảo như đã nói

trên mà tìm được số đơn-vị của mọi vật, rồi do đó dùng phép diễn-thích của toán-học để tìm hiểu sự quan hệ các số đơn-vị và căn cứ vào đó để vẽ đồ biểu, tả ra sự biến hóa các vật chất. Như vậy bao nhiêu máy móc đã đặt ra để trắc-lượng vật-lý có chắc là đúng cả 100 phần 100 không? lẽ cố nhiên là không, những máy móc ấy đều có lúc sai lầm; nhà khoa-học cũng nghĩ vậy, nên họ lại nghĩ ra những phương pháp để sửa chữa sự sai lầm đó. Khoa-học dùng máy móc mà bổ cứu chỗ thiếu sót của khí quan lại dùng lý-trí để sửa chữa sự sai lầm của máy móc, nhưng cái lý-trí ấy là cái gì, rủi ra mà cái ấy có sai lầm nữa, thì còn làm thế nào mà sửa chữa nó? Khoa-học không hề hoài nghi đến điểm đó, họ cũng không dám nêu vấn đề ấy ra, mà chỉ cắt đứt điểm nghi vấn đề dành cho nhà Triết-học tư tưởng loanh quanh, nhà tôn-giáo nói thần, nói quỉ.

Phật-giáo thì nắm vững lấy vấn-đề ấy và nhìn nhận nó là một công cụ chủ yếu của tất cả công-cụ, là một máy móc tiêu chuẩn của tất cả máy móc, là tấm gương sáng soi thấu hết nhất thiết vật tượng. Vạn nhất mà cái công cụ chủ yếu ấy mất hiệu dụng, cái máy móc tiêu chuẩn ấy mất bản-tánh đúng đắn, cái gương sáng ấy bị một lớp bụi che lên, thì không còn chi là chân-tướng nữa. Phật-giáo dạy chúng ta: tâm thể của chúng sanh đều như tấm gương sáng, không khác gì của Phật, chỉ vì tấm gương sáng của chúng sanh bị che lên một lớp bụi, nên mất công dụng soi thấu vật lý, cần phải có công phu chùi rửa, để lấy lại bản thể sáng suốt của nó. Mười hai bộ kinh trong ba Tạng đều có nói rõ lớp bụi bẩn gì có phương pháp chùi rửa ấy, mục đích là khôi phục cái công-dụng sáng suốt của tấm gương để soi thấu triệt-để chân-lý của vũ-trụ và nhân sanh; chỉ có đều là công phu chùi rửa tấm gương ấy không phải đơn giản, mà cần có công cụ và phương pháp mới chùi

rửa nó được. Hiện nay chúng ta thấy ở các chùa chiền cúng thờ tượng Phật trang hoàng, thêm vào nào chuông, khánh, mõ, hương, hoa, tràng phan v. v. có một số người đều lầm cho là việc mê-tín, họ đâu biết bao nhiêu vật đó là công-cụ để chùi rửa tấm gương sáng. Các chùa về phái Mật-tôn bày biện lại càng ly kỳ quái lạ, khiến người ta có cảm giác là bí mật thần quyền. Sự thật trong giáo lý Phật không có cái gì là thần bí; mọi sự, mọi vật đều căn cứ ở lý trí cả, chỉ nhơn lý luận sâu xa, người thường không dễ hiểu được đó thôi. Lại khi xem đến nhà tu về Tịnh-độ tông chăm lo niệm Phật; nhà tu về Thuyền-tông ngồi hương. quì hương; nhà tu về Luật-tông mở đường truyền giới, và các giáo tông khác tụng kinh, quán tưởng, tất cả không một việc gì mà không phải là công phu chùi rửa tấm gương kia. Vậy nên ở đây tôi khẩn thiết khuyên quí độc-giả chớ nên xem những việc trên là tư tưởng mê tín rồi sinh ra có tư tưởng khinh miệt hay tư tưởng thần bí. Nên biết rằng ở trong Phật-pháp không một cử động nào, một sự vật nào mà không do nơi giòng tịnh trí của Đức Đại-giác chảy ra; Đúng như người ta nói: Phật pháp như nước Cam lồ, mỗi giọt mỗi ngọt ngào; Phật Pháp như ngọc Ma-ny-Châu mặt nào cũng tròn trịa. Xin độc giả thử nếm một giọt Cam lồ thì sẽ rõ là lời tôi không nói dối.

(Còn tiếp)

Quý độc-giả và đại-lý ở Huế xin đến thanh-toán tại chùa Diệu-Đế vào những buổi chiều thứ hai thứ năm và thứ bảy, từ 3 đến 5 giờ chiều. Ngoại tỉnh gởi ngân phiếu xin đề: Thầy THÍCH-ĐỨC-TÂM 25 Tô-hiến-Thành chùa Diệu-Đế Huế.

LÁ THƯ

MÙA THÀNH-ĐẠO

Cái nắng cuối đông dịu dàng và ấm-áp khiến cho những tâm hồn ngây-thơ cũng bừng nở giữa trời mai như đóa hoa tỏa hương giữa bình-minh trong-lành và đẹp-đẽ.

Hôm nay các em đến đoàn-quán sớm hơn mọi chủ-nhật trước. Đứng dưới tàng cây um-tùm ướt đầm sương mai, những bàn tay tinh-nghịch ngửa ra hứng lấy những giọt nước nhỏ lành-lạnh rồi khúc-khích cười. Những con chim trên cành hình như cũng muốn chung vui với những bạn trẻ nầy, cất tiếng hót vang và nhảy nhót chuyền cành

Các em nghĩ đến ngày Thành-Đạo rồi cùng nhau reo cười sung sướng, còn một tuần nữa thôi !

Nghĩ đến ngày Thành-Đạo Minh lại nhớ đến anh Hiền :

— Rất tiếc lễ Thành-Đạo năm nay vắng anh Hiền, các bạn có nhớ anh ấy không nhỉ ? Một em khác tiếp lời :

— Ừ, mà sao gần một tháng nay mình cũng không được thư anh ấy. Mới độ nào anh còn vui đùa với chúng mình đây ; Những lời khuyên nhủ hằng tuần của anh chúng mình còn nhớ kỹ.

— Minh còn nhớ rõ mồn một ngày Thành-Đạo năm trước, sau buổi lễ anh đưa bọn mình lên đồi tìm cây cỏ trường sanh dấy mà !

— Anh Hiền ơi, anh có biết giờ nầy chúng em đang vui lắm vì nghĩ đến ngày Thành-Đạo và nhớ đến người anh của chúng em đây.

Vừa lúc ấy anh đoàn trưởng đến, vội vàng mách với các em lá thư anh Hiền gởi thăm toàn thể các em nhân ngày Thành-Đạo sắp đến.

Tất cả đều xúm lại giành nhau xem. Minh lên giọng đọc lớn cho các bạn đều nghe :

Các em thân mến,

Anh chắc chắn rằng lá thư nầy đến các em giữa lúc các em đang nghĩ tới ngày huy-hoàng nhất của chân lý.

Hơn hai ngàn năm trăm năm trước đây dưới cây Bồ-Đề bên bờ sông Ni-Liên đã sáng rực ánh vàng tươi để dẹp phá vô-minh mê-ám. Ánh Hào-quang của Đức Từ-phụ đã chiếu tỏa soi đường cho chúng sanh đi về bến giác an vui, thoát khỏi mọi ràng buộc đau khổ, trầm luân bao trùm từ vô vạn kiếp. Ngày ấy là kết quả của bao công lao khổ cực của cuộc sống xả thân của Thái-tử Tất-Đạt-Đa. Đó là công-năng tu tập của đấng Cha lành chúng ta từ muôn kiếp trước. Đó là ngày ghi dấu lòng từ-bi cao-cả bao-la của đức Từ-phụ.

Nhưng các em ơi, các em thử ngoảnh lại nhìn xem, đường giải thoát đã mở thế mà cũng còn vô số chúng sanh đang quẫn-quại trong đau thương ! thật đáng buồn các em nhỉ.

Vâng, ánh sáng đã có, thế mà loài người còn có kẻ sợ ánh sáng, luôn luôn ẩn-núp trong bóng tối tội-lỗi. Liều thuốc đã chế sẵn mà bệnh nhân vẫn còn ngại-ngùng sợ đắng cay.

Đức Phật, người tìm ra cho chúng sanh con đường đến an-vui hoan lạc nhưng loài người có đạt đến hay không là do tự mình có bước chân lên đường ấy hay không.

Vậy các em ngày mai kia còn có một bổn-phận cao cả và khó-khăn là sẽ đóng vai trò một điều dưỡng viên đưa những chén thuốc đến cho bệnh-nhân, đóng vai trò một người hướng-đạo đưa du khách đến những công viên dẹp-đẽ tràn ngập ánh sáng giải thoát của Như-lai.

Nói nhiều lắm rồi, anh gởi lời thăm và cầu chúc toàn thể các em vui nhiều trong ngày Thành-Đạo nầy. Vui để đón mừng một lần nữa ngày Chánh-Pháp về với nhân loại. Vui vì biết rằng mình đã có duyên lành được sống trong ánh Đạo Thế-Tôn. Vui để tin rằng ngày mai ấy đời các em sẽ tươi đẹp và sáng-lạng vì các em đã biết tự xây hạnh-phúc cho mình trên nền tảng Phật-giáo.

Tuy không được gần các em nhưng ở phương xa kia có một người anh bao giờ cũng hướng về các em và trong giờ phút nầy người anh ấy cũng được vui sướng vì đang chung sống với các em trong tưởng-tượng đấy.

Tinh-tấn chào các em.

Người anh phương xa của các em

— Tè... tích, tích, tích, tích.

Vừa dứt thư tiếng còi họp chung đã vang lên. Những cánh chim màu lam nảy giờ giờ ẩn mình trong những khóm cây um lá tung bay lại quần tụ nhau quanh lá cờ màu xanh lá mạ nổi bật chiếc hoa sen trắng, đang phất-phới giữa gió sớm.

ĐỨC-THƯƠNG

In tại Nhà in LIÊN-HOA — Huế

Thư từ bài vở xin đề

THẦY THÍCH ĐỨC-TÂM

Tổng thư-ký Tòa-soạn

Số 25, đường TÔ-HIẾN-THÀNH

(đường Trung Bộ cũ)

(chùa Diệu - Đế) HUẾ

Chủ - nhiệm

THÍCH ĐÔN - HẬU

Quản - lý :

THÍCH NỮ DIỆU - KHÔNG

TẠI HUẾ MỖI SỐ 10$. CÁC TỈNH 11

Mua trọn năm 12 số trả tiền trước tại Huế 110$ Các tỉnh 12(